

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lâm Thị Ngọc Mai

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lâm Thị Ngọc Mai

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lâm Thị Ngọc Mai

Mã SV: 120545

Lớp: QT1204K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn đứng vững, tồn tại và phát triển thì phải không ngừng đổi mới sáng tạo nhằm hạ thấp chi phí cá biệt so với chi phí xã hội, để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với các nhà sản xuất là phải nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm của doanh nghiệp mình. Để có thể biết được một doanh nghiệp có khả năng phát triển hay không cần thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được và đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng trong đó công tác tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán bởi nó cho ta biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào. Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu em đã chọn đề tài: **“Công tác tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh”** làm khóa luận tốt nghiệp.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài: Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh để thấy được những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác

kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh trong năm 2011.

Khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương chính:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của các cán bộ và nhân viên Phòng kế toán của Công ty và thầy giáo – Thạc sĩ Phạm Văn Tường. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một vài nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Doanh thu.

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu: Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2. Các loại doanh thu

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là tổng số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả

của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Doanh thu nội bộ*: Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Gồm:

- Lãi cho vay ngắn và dài hạn.
- Lãi từ bán chứng khoán và cổ tức được chia.
- Lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán.
- Thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Thu từ lãi bán hàng theo hình thức trả chậm, trả góp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.1.3. Phương pháp xác định

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu được quy định trong Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa thì chi phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị hàng hóa nhận gia công.

1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách.

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

- Thuế xuất khẩu: Là loại thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế gián thu, đánh vào một số hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục Nhà nước quy định.

<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>Trị giá hàng bán bị trả lại</i>	<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>Thuế GTGT trực tiếp, thuế XK, thuế TTĐB</i>
------------------------	---------------------------	------------------------------	------------------------------------	--------------------------	--

1.1.2. Chi phí.

1.1.2.1. Khái niệm.

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.2.2. Các loại chi phí.

❖ *Giá vốn hàng bán:* Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ *Chi phí bán hàng:* Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)
- Chi phí bảo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* Là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Chi phí góp vốn liên doanh
- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái
- Chi chiết khấu thanh toán cho người mua...

❖ *Chi phí khác:* Là toàn bộ chi phí phát sinh do các sự kiện riêng biệt hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại TSCĐ
- Chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị ghi nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:* Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm

làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ *Đối với doanh nghiệp:*

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Nắm và đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện việc phân phối và tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Đưa ra được những chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh dựa trên thông tin thu thập được.

❖ *Đối với nhà nước:*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

- Dựa trên kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định khoản thuế phải thu.

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định kinh tế quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá để đề ra các giải pháp phù hợp phát triển kinh tế tâm vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả mà còn đảm bảo nguồn vốn của nhà nước không bị thất thoát.

❖ *Đối với nhà đầu tư:* giúp các nhà đầu tư nắm bắt, phân tích, đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra các quyết định đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.

❖ *Đối với các tổ chức tài chính trung gian:* dựa trên số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp làm căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp vay vốn hay không.

❖ *Đối với nhà cung cấp:* kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán....

1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1.1. Vai trò:

- Việc hạch toán doanh thu, chi phí thì xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế

hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

- Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho ta biết được trong kỳ kế toán đó công ty được lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

1.2.2.2 Nhiệm vụ:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 02 GTTT-3LL)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)

- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

❖ *Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2 :

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

❖ *Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ*

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các sản phẩm, hàng hóa xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ *Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp* (chi tiết theo TK 33311 –

Thuế GTGT đầu ra)

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

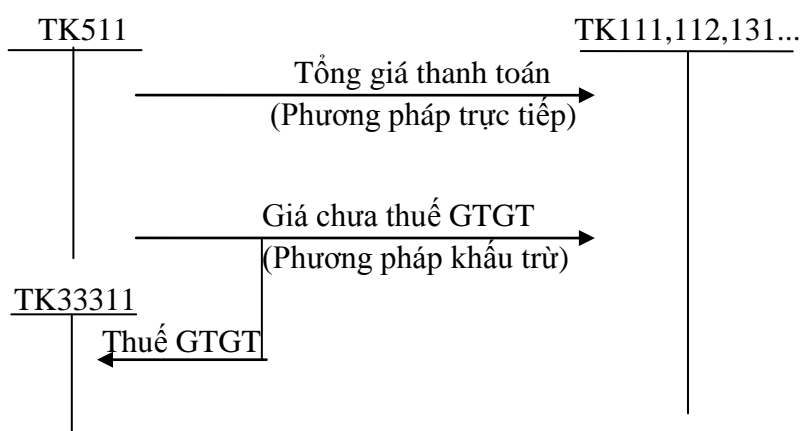
Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131...

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán.

❖ *Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp*

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

Sơ đồ 1.3.1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



❖ *Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý*

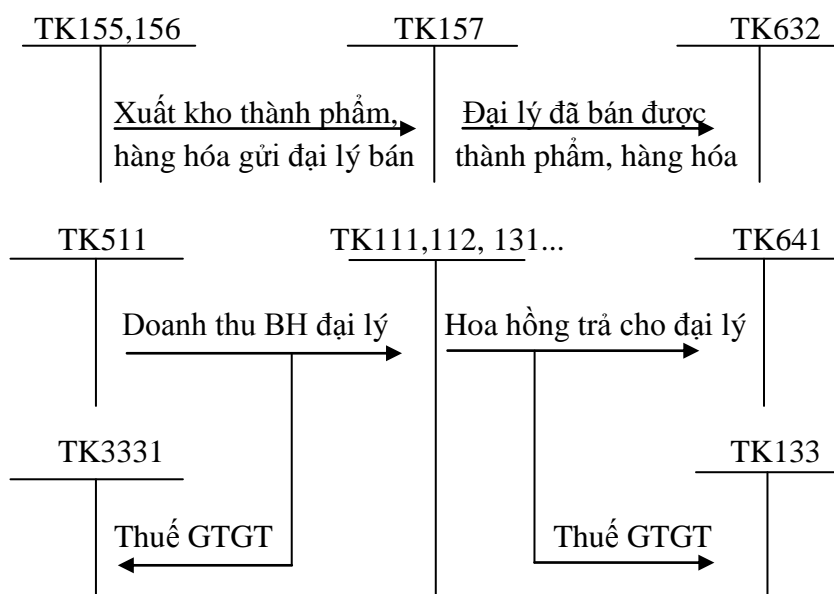
Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý.

Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

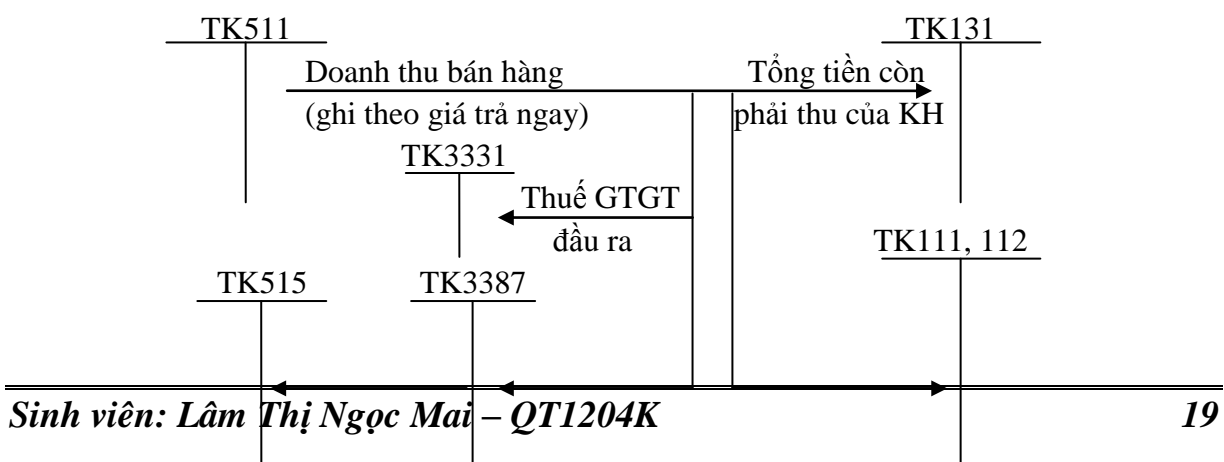
Sơ đồ 1.3.1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

Sơ đồ 1.3.1.3: Hạch toán DT bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

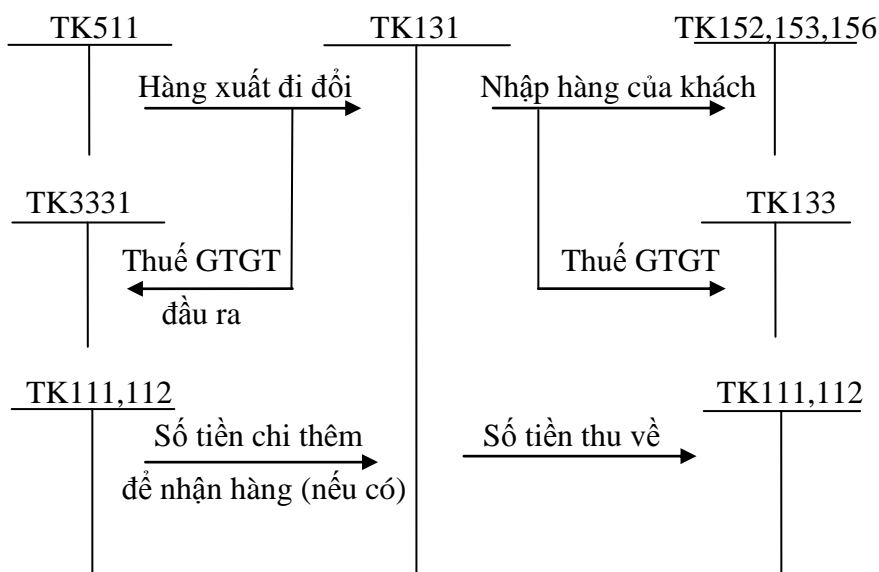


Ghi nhận lãi hàng kỳ	Lãi trả chậm trả góp	Số tiền đã thu của khách hàng
-------------------------	-------------------------	----------------------------------

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

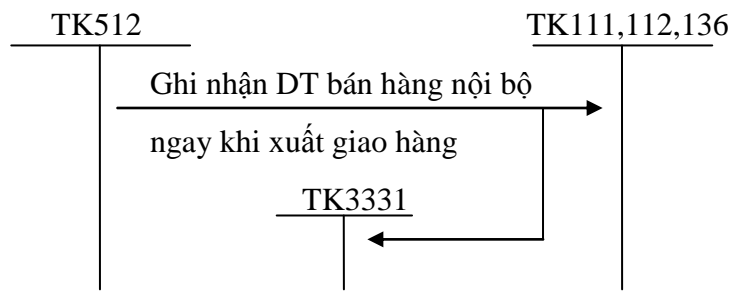
Sơ đồ 1.3.1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

Sơ đồ 1.3.1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

- *Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại*

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa

Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm

Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

- *Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán*

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách.

- *Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại*

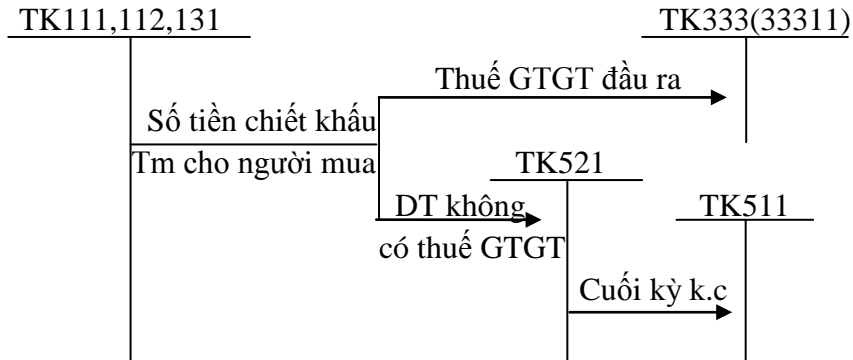
Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

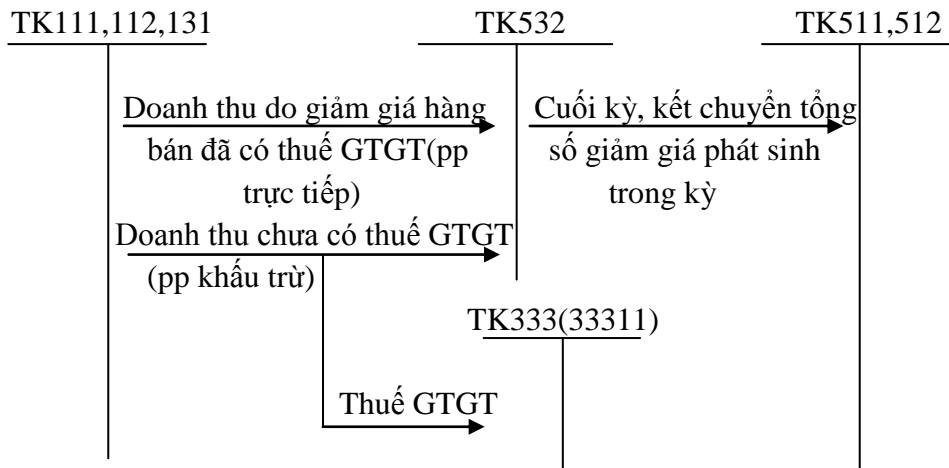
Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp và Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.

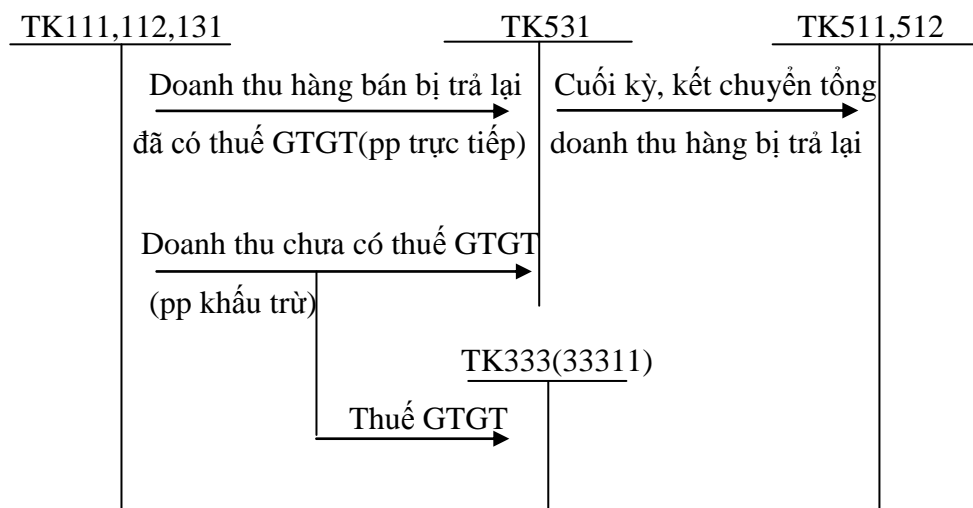
Sơ đồ 1.3.2.1: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.3.2.2: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



Sơ đồ 1.3.2.3: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.3.3.1. Các phương pháp xác định trị giá vốn.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Trị giá xuất trong kì} = \text{Đơn giá BQGQ} \times \text{Số lượng xuất}$$

Số lượng xuất: là số lượng thành phẩm, hàng hóa xuất theo đề nghị của từng lần.

Đơn giá bình quân gia quyền có 2 phương pháp tính:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá BQGQ cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kì} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kì}}{\text{Lượng thực tế hàng tồn đầu kì} + \text{Lượng thực tế hàng nhập trong kì}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá BQGQ sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

1.3.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.

Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

- TK 155 – Thành phẩm

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

- *TK 156 – Hàng hóa*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 1561 – Giá mua hàng hóa

TK 1562 – Chi phí thu mua hàng hóa

TK 1567 – Hàng hóa bất động sản

- *TK 157 – Hàng gửi đi bán*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

- *TK 611 – Mua hàng*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2:

TK 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

- *TK 632 – Giá vốn hàng bán*

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch

vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.

- ❖ *Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KCTX)*

Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất. Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.3.3.1: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



❖ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

$$\begin{aligned}
 \text{Số lượng hàng xuất kho} &= \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập đầu kỳ} - \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}
 \end{aligned}$$

1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.**1.3.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 -TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng.*Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng*

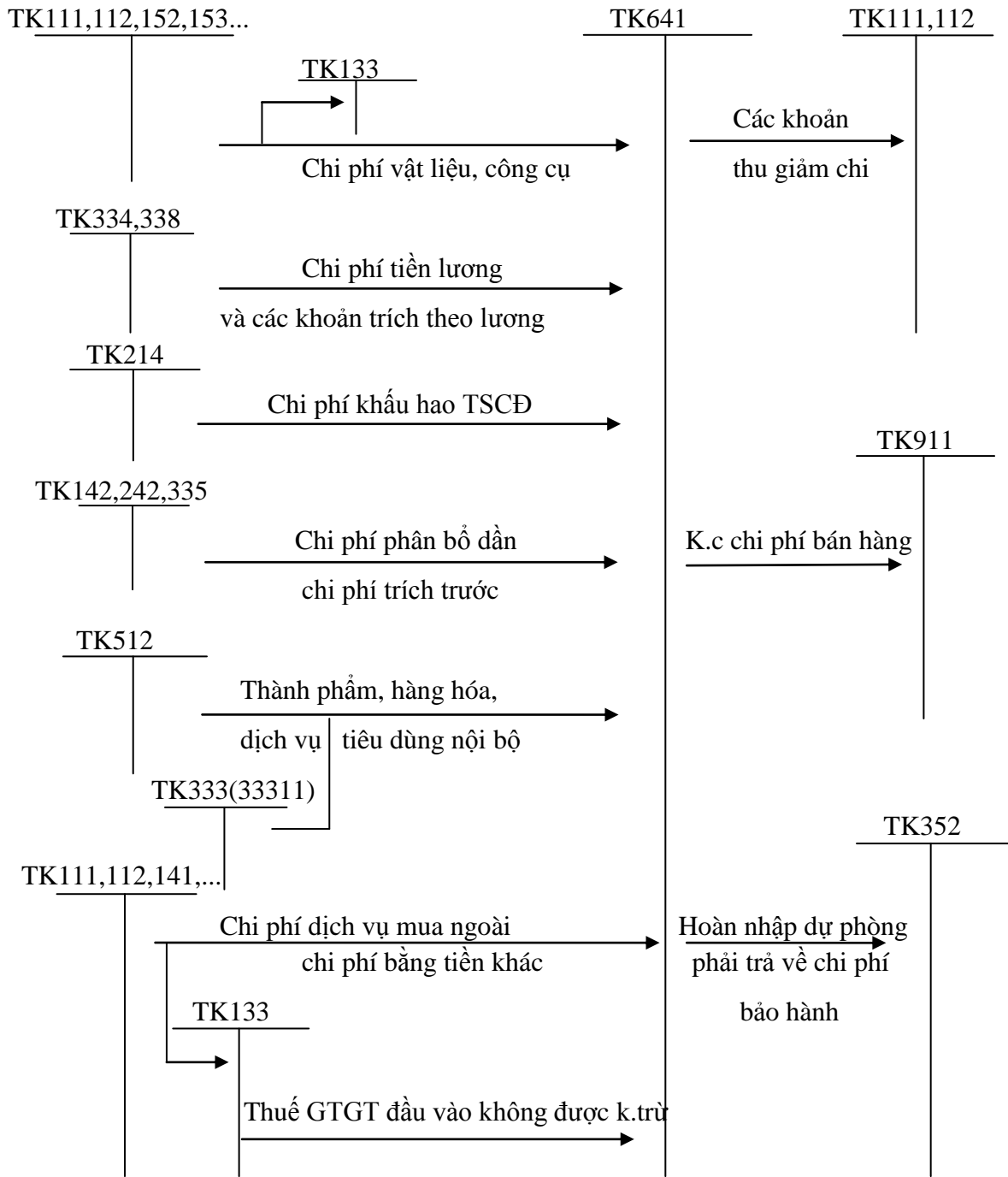
Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.3.4.3. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.3.4.1: Hạch toán chi phí bán hàng



1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**1.3.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 -TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.*Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền ông, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như:

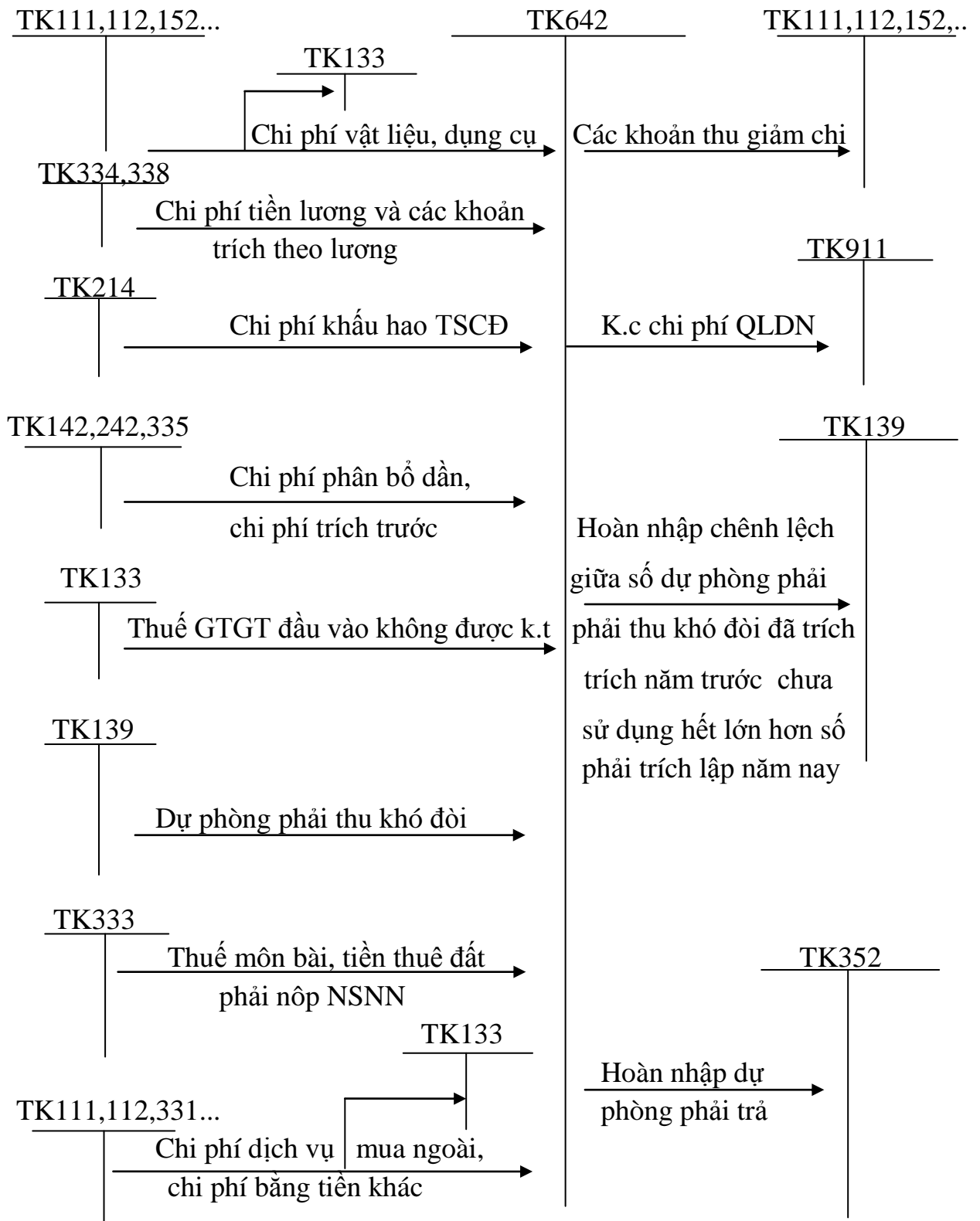
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng

- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

1.3.5.3. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.3.5.1: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.3.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.

- *Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính*

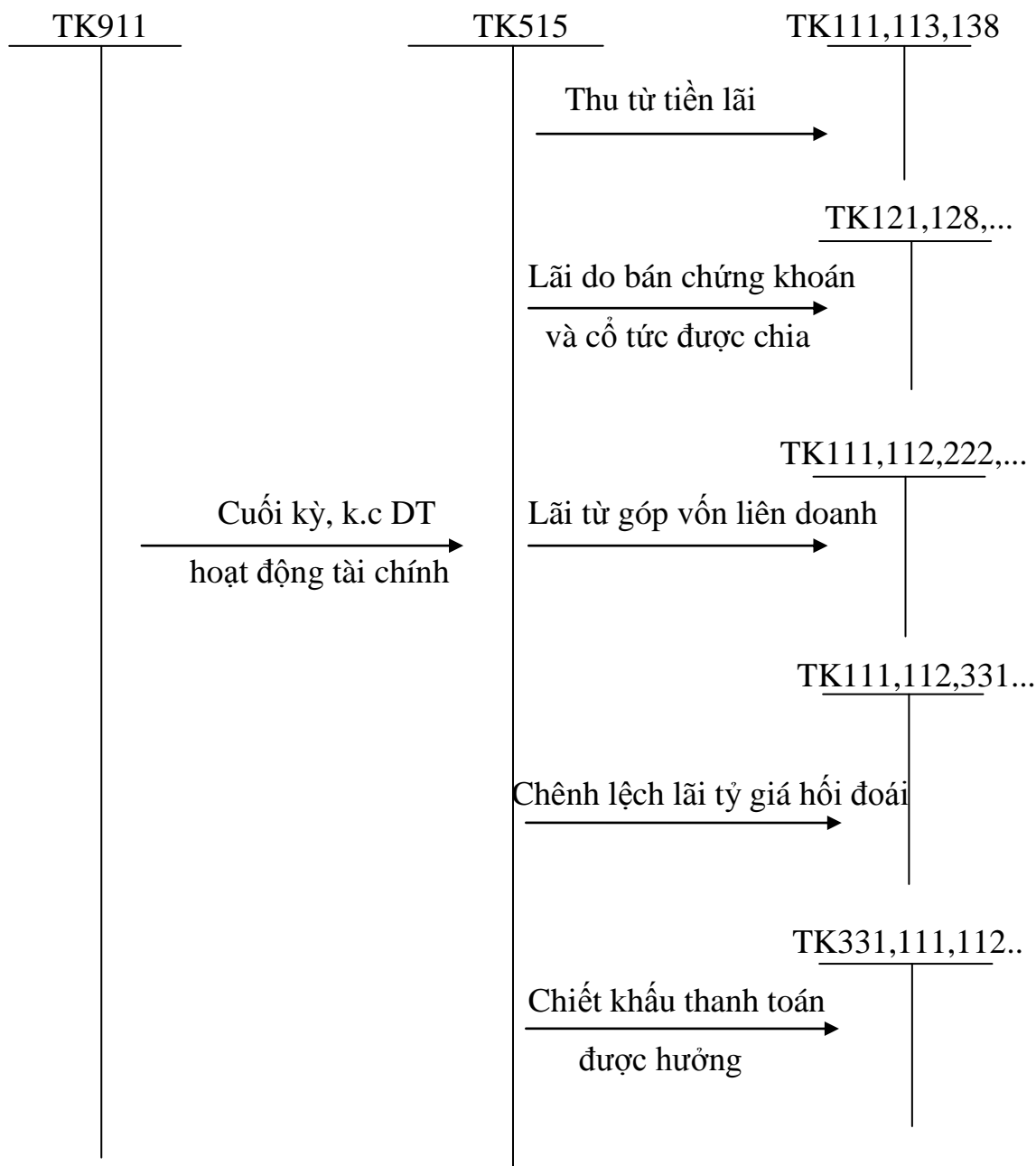
Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính.

- *Tài khoản 635 - Chi phí tài chính*

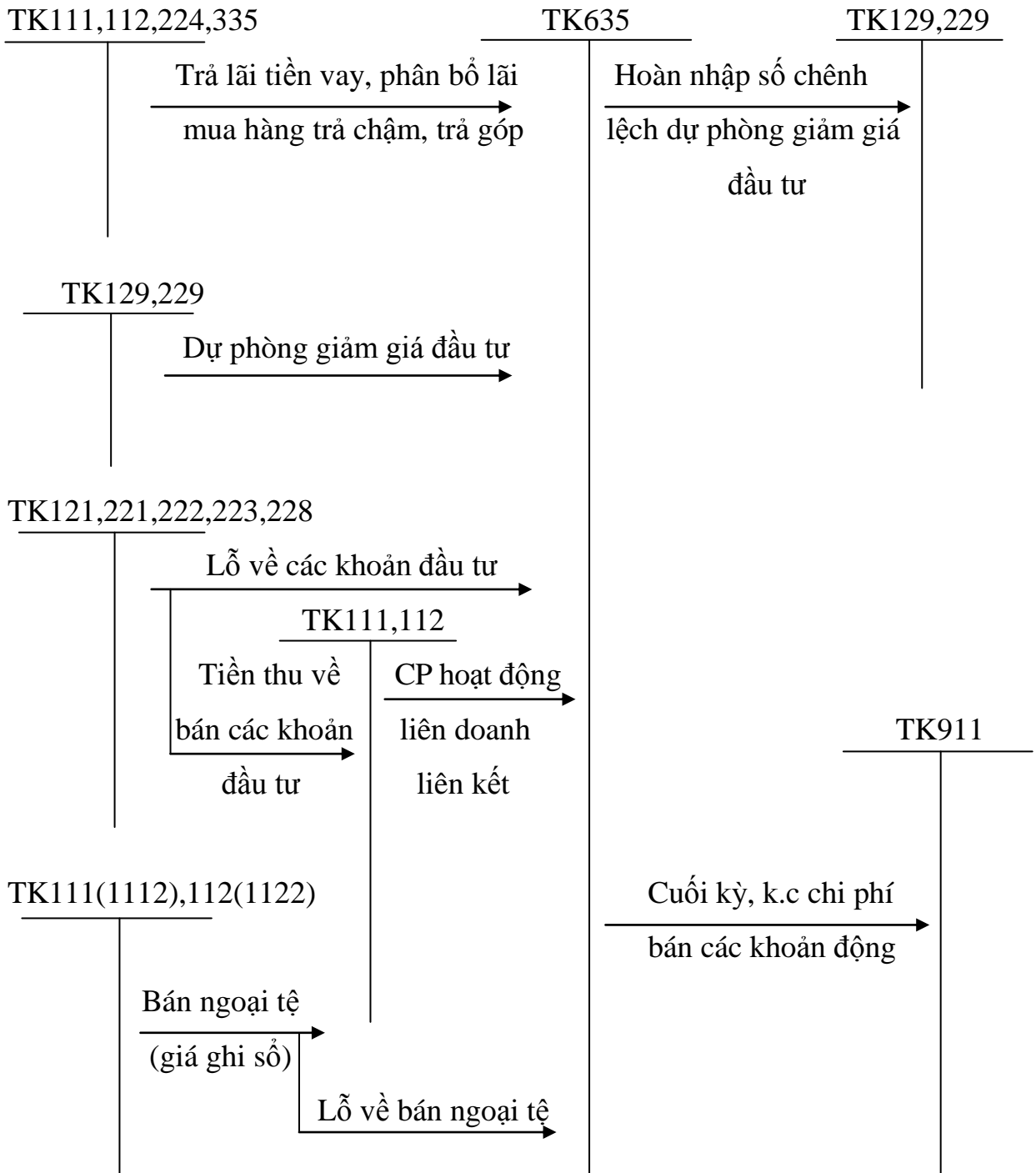
Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính của doanh nghiệp.

1.3.6.3. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.3.6.1: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.3.6.2: Hạch toán chi phí tài chính



1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.3.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng ,...
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý TSCĐ, Hợp đồng kinh tế,...

1.3.7.2. Tài khoản và sử dụng.

- *Tài khoản 711 – Thu nhập khác*

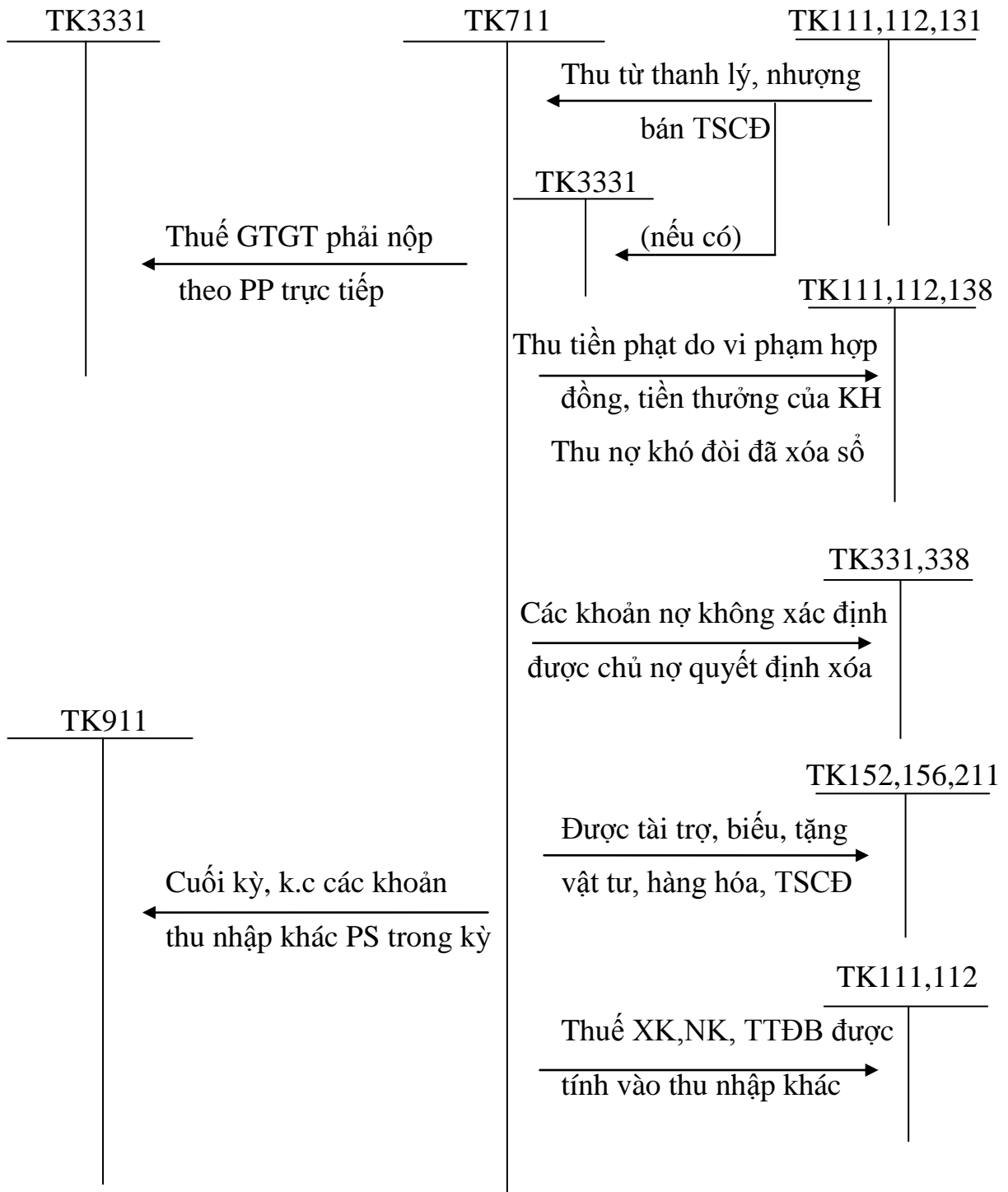
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Tài khoản 811 – Chi phí khác*

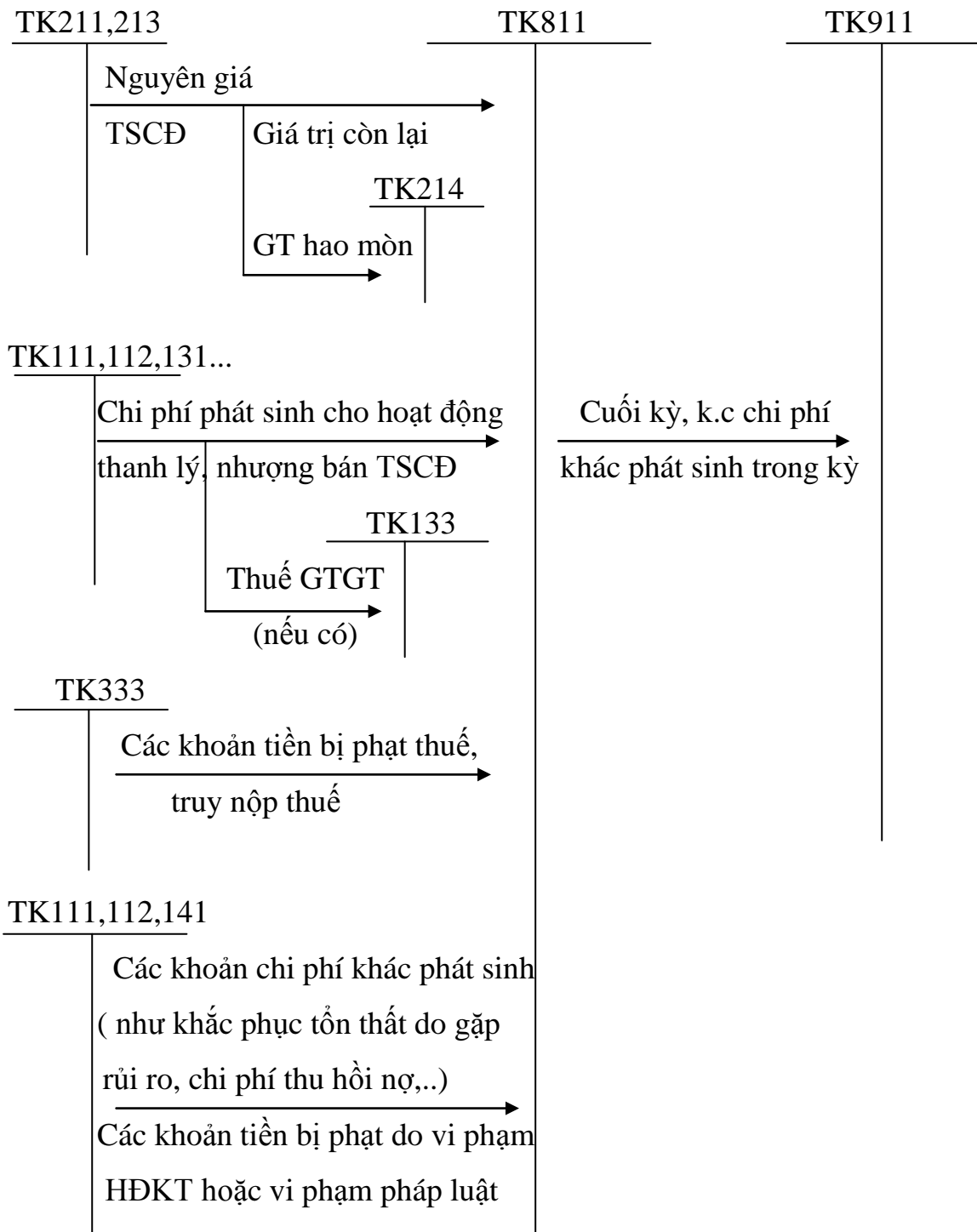
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.3.7.3. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.3.7.1: Hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.3.7.2: Hạch toán chi phí khác



1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3.8.1. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

$$\begin{matrix} \text{Kết quả kinh} \\ \text{doanh} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Kết quả hoạt động sản} \\ \text{xuất, kinh doanh chính} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{matrix}$$

1.3.8.2. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

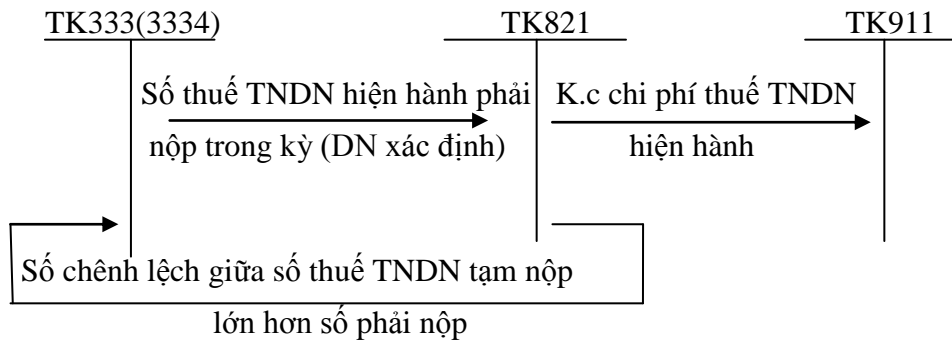
Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

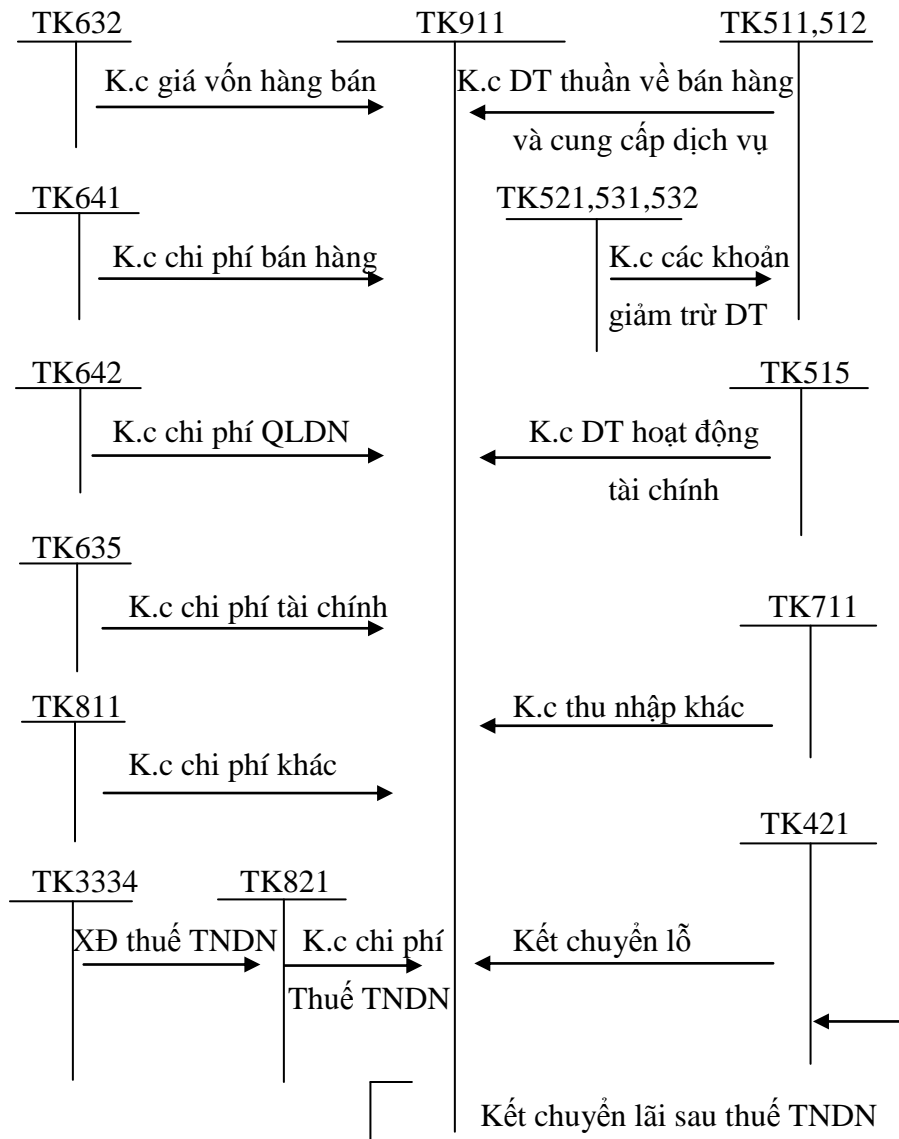
Trong đó:

$$\begin{matrix} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong} \\ \text{năm tính thuế} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu để tính} \\ \text{thu nhập chịu thuế} \\ \text{trong năm tính thuế} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{CP hợp lý} \\ \text{trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế khác trong} \\ \text{năm tính thuế} \end{matrix}$$

Sơ đồ 1.3.7.1: Hạch toán thuế TNDN hiện hành



1.3.8.3. Phương pháp hạch toán. Sơ đồ 1.3.8.1: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

2.1.1. Sự hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

2.1.1.1. Sự hình thành

Xuất phát từ việc giảm giá thành sản xuất bao bì của Công ty bao bì PP, đặc biệt là sản phẩm hạt nhựa phụ gia dùng trong sản xuất bao bì, các cổ đông của Công ty bao bì PP đã cùng góp vốn, thành lập Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh. Ngày 21/12/2004, Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh chính thức ra đời, theo giấy phép kinh doanh số 0200608229 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, với vốn điều lệ ban đầu là 2,4 tỉ.

2.1.1.2. Sự phát triển

- Ngày đăng kí kinh doanh lần đầu: 21/12/2004, vốn điều lệ 2,4 tỉ đồng.

Đăng kí lại lần 1: ngày 22/12/2006, vốn điều lệ là 3,24 tỉ đồng.

Đăng kí lại lần 2: ngày 06/11/2009, vốn điều lệ là 6,2 tỉ đồng.

Đăng kí lại lần 3: ngày 22/12/2011, vốn điều lệ là 6,2 tỉ đồng,

thay đổi một số ngành nghề sản xuất kinh doanh.

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

- Tên Tiếng Anh: Binh Minh Chemical Joint Stock Company (BMC)

- Người đại diện: Vũ Khắc Bút

- Mã số thuế: 0200608229

- Số điện thoại: 0312.241.739

Fax: 0313.835.424

- Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu - Lê Chân - Hải Phòng

Trải qua hơn 8 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh đang ngày càng lớn mạnh, không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh

doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như khai thác hết tiềm năng sẵn có của mình. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của toàn thành phố nói riêng và toàn Việt Nam nói chung.

2.1.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ.

- Công ty CP Hóa chất Bình Minh chuyên sản xuất các hạt nhựa phụ gia phục vụ công nghiệp sản xuất bao bì cung cấp cho các công ty sản xuất bao bì trên toàn quốc.

- Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh sử dụng công nghệ kéo sợi Strand-cut. Hệ thống hạt kéo sợi của công ty bao gồm những thiết bị như sau:

+ Máy trộn cao tốc

+ Khuôn tạo sợi gắn với thiết bị đùn

+ Máng hay thùng nước làm nguội đủ dài (khoảng 7,3m) để sợi nhựa được làm nguội và đông cứng, sử dụng vòi phun hay luồng khí thổi trực tiếp lên sợi nhựa để lấy đi phần nước còn bám vào sợi nhựa khi chúng được kéo ra khỏi thùng nước làm nguội.

+ Bộ dao cắt gồm một rôto gắn những lưỡi dao có thể thay thế và một dao cố định để cắt sợi nhựa thành những hạt nhỏ hình trụ.

+ Máy sàng tách hạt để vận chuyển và tách những mảnh nhựa vụn hoặc những hạt quá to trước khi đóng bao.

Hệ thống kéo sợi trên được bố trí theo phương thẳng hàng với các thiết bị nối tiếp nhau, bề ngang khoảng 0,7 đến 1m, và chiều dài 10,7m.

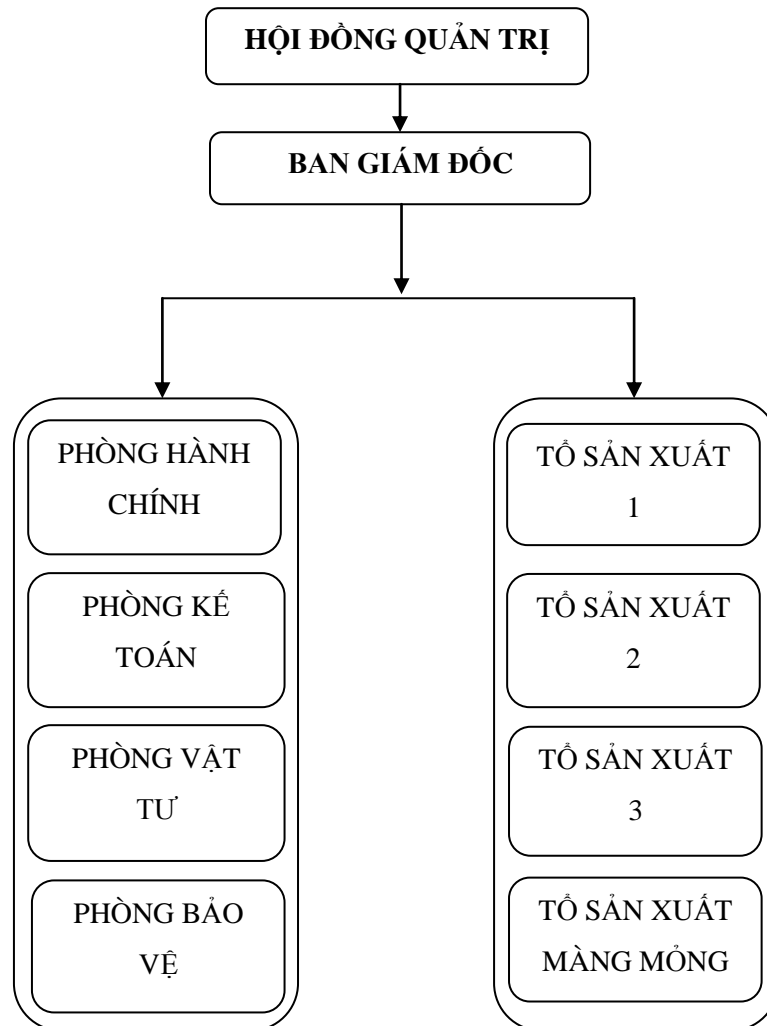
Nguyên vật liệu đầu vào được pha trộn với một tỉ lệ nhất định rồi được đưa vào máy trộn cao tốc. Sau khoảng thời gian quy định, hỗn hợp trên được đưa vào một máy đùn ở nhiệt độ cao cho hóa lỏng thành nhựa. Nhựa được đùn qua một chuỗi những lỗ tròn bố trí xếp thành hàng ngang trên khuôn tạo sợi để định dạng sợi nhựa tròn. Những sợi này được kéo liên tục qua thùng nước làm nguội, tại đây sợi nhựa sẽ đông cứng lại. Khi ra khỏi máng nước làm nguội, nước còn dính lại trên sợi nhựa được lấy đi bằng cách dùng khí thổi mạnh vào sợi nhựa

hay sử dụng máy hút chân không để tránh nước văng ra khu vực xung quanh máy. Sau khi làm khô, sợi nhựa được kéo qua dao cắt liên tục gọi là máy cắt sợi, nhựa được cắt thành hạt hình trụ ngắn và sau đó thoát ra cửa xả của máy cắt và rơi vào máy sàng tách hạt để tách những hạt nhựa vừa hoặc những hạt quá to trước khi đóng bao.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Sơ đồ 2.1.2: Cơ cấu tổ chức của công ty



Chức năng, nhiệm vụ:

- *Hội đồng quản trị:* là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

- *Ban giám đốc*: điều hành và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, điều hành sản xuất kinh doanh. Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong từng thời kỳ phù hợp với công việc chung.

- *Các phòng chức năng, quản lý*: thực hiện các công việc chức năng theo chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban giám đốc đạt hiệu quả, năng suất lao động cao.

+ *Phòng Hành chính*: có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị. Thực hiện chế độ quản lý tài sản chung của toàn xí nghiệp bao gồm đất đai trụ sở làm việc, nhà xưởng sản xuất, trang thiết bị văn phòng, điện nước... phục vụ sản xuất và công tác điều hành. Thực hiện pháp luật của Nhà nước về quản lý và sử dụng con dấu, cấp phát giấy giới thiệu theo quy định.

+ *Phòng Kế toán*: có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

+ *Phòng Vật tư*: lập kế hoạch sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, theo dõi các mã hàng, làm các thủ tục xuất hàng, vận chuyển hàng hoá, quản lý các kho tàng của Công ty, lập kế hoạch nâng cao năng suất lao động, năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và tăng thu nhập cho người lao động.

+ *Phòng bảo vệ* : đảm bảo an ninh cho Công ty.

- *Tổ sản xuất*:

+ *Tổ SX1*: sản xuất hạt nhựa phụ gia Bicoat

+ *Tổ SX2*: sản xuất hạt nhựa phụ gia Hotmelt

+ *Tổ SX3*: sản xuất hạt nhựa phụ gia Bical (PP & PE)

+ *Tổ SX màng mỏng*: sản xuất túi nhựa màng mỏng HDPE

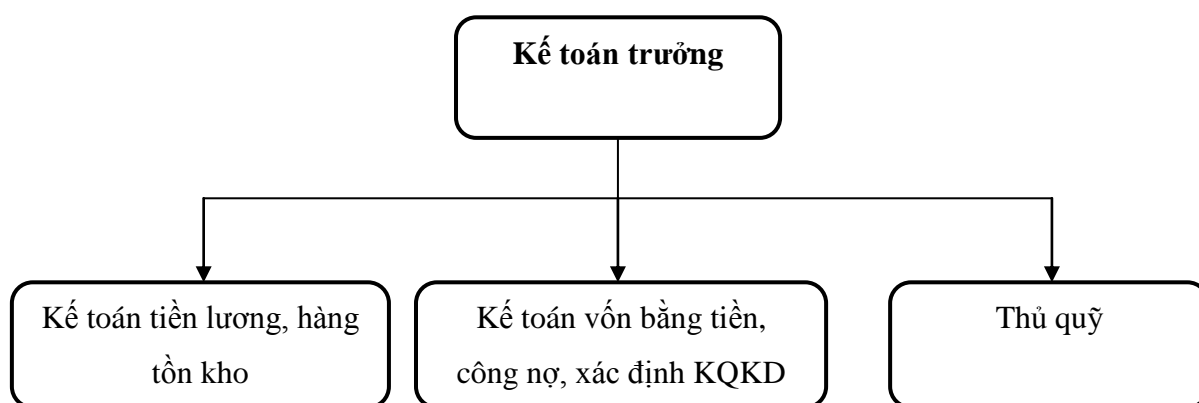
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh tổ chức mô hình kế toán theo hình thức tập trung. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán trong công ty đều được tiến hành tại phòng kế toán của công ty. Từ thu thập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, lập các báo cáo tài chính, các bộ phận trong công ty chỉ lập chứng từ phát sinh gửi về phòng kế toán của công ty. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra xử lý các thông tin kế toán được kịp thời, chặt chẽ, thuận tiện cho việc phân công lao động và chuyên môn hóa, nâng cao năng suất lao động.

Hiện nay phòng kế toán của công ty bao gồm 4 người. Một kế toán trưởng, hai kế toán viên và một thủ quỹ.

Sơ đồ 2.1.3: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong phòng kế toán như sau:

- *Kế toán trưởng:*

+ Tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.

+ Kí duyệt các hóa đơn chứng từ, các giấy tờ cần thiết có liên quan.

+ Trực tiếp báo cáo các thông tin kinh tế với Nhà Nước, giám đốc và các cơ quan kinh tế khi có yêu cầu.

+ Theo dõi TSCĐ, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng các TSCĐ

- *Kế toán tiền lương, hàng tồn kho:*

+ Theo dõi tính toán và hạch toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm

y tế, kinh phí công đoàn, các khoản khấu trừ vào lương, các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty tổng hợp số liệu, lập bảng tổng hợp thanh toán lương của công ty, lập bảng phân bổ lương.

+ Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kho thành phẩm... cuối tháng tổng hợp số liệu theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn, nộp báo cáo cho bộ phận tính giá thành, kiểm kê lại kho vật tư, đối chiếu với sổ kế toán.

- *Kế toán vốn bằng tiền, công nợ, xác định kết quả kinh doanh:*

+ Theo dõi hạch toán vốn bằng tiền, nguồn vốn và các quỹ, theo dõi chi phí và các khoản công nợ, thanh toán và phân phối lợi nhuận.

+ Xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

+ Theo dõi tình hình tiêu thụ, tổng hợp chi phí, doanh thu, xác định kết quả kinh doanh, lập các báo cáo tài chính, tổng hợp các quyết toán...

- *Thu quỹ:*

+ Bảo quản tiền mặt

+ Thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

+ Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ.

+ Có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.

+ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.3.2. Tổ chức công tác kế toán, hình thức kế toán và các phương pháp kế toán tại công ty.

1. Tổ chức công tác kế toán:

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.

- Chế độ kế toán:

+ Chế độ kế toán: áp dụng tại công ty là chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

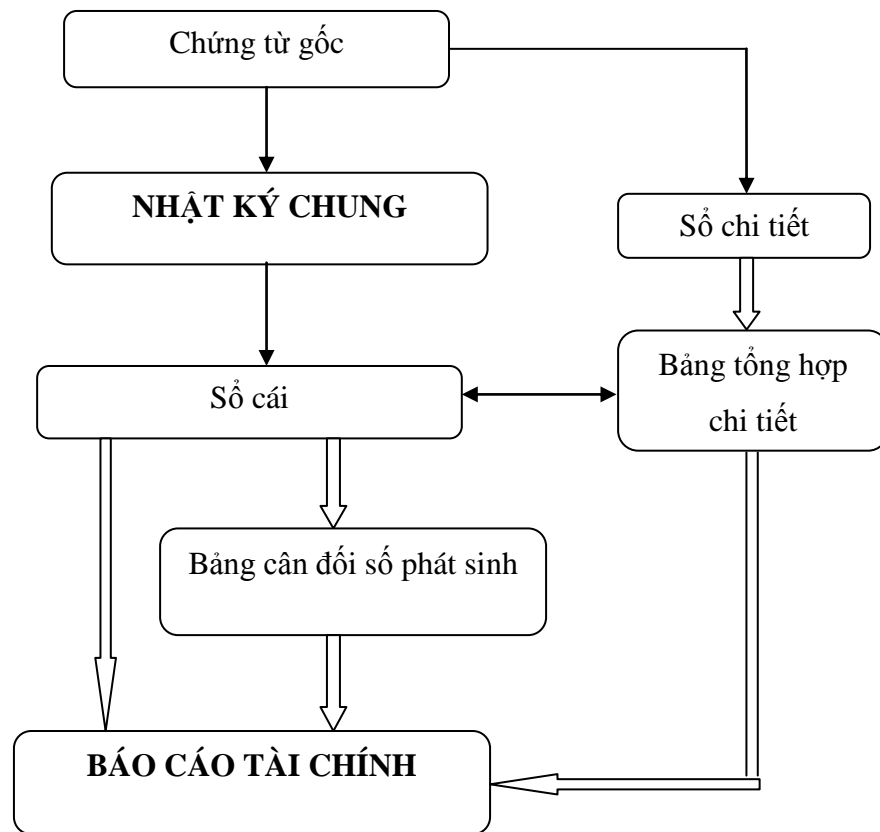
+ Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

+ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Việt Nam Đồng (VNĐ).

2. Hình thức kế toán:

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh áp dụng hình thức kế toán “**Nhật kí chung**”.

Sơ đồ 2.1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung áp dụng tại công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

←—————> Đối chiếu

—————> Ghi cuối kỳ hoặc định kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết.

Cuối tháng, từ sổ cái vào bảng cân đối tài khoản và từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối năm, từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

3. Các phương pháp kế toán:

- Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: PP kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế GTGT: được tính theo PP khấu trừ.
- Phương pháp tính KH TSCĐ: Khấu hao TSCĐ tính theo PP đường thẳng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Do sản phẩm của công ty là các hạt phụ gia dùng trong công nghiệp sản xuất bao bì nên công ty bán sản phẩm cho các khách hàng có nhu cầu qua phương thức bán hàng trực tiếp.

Thị trường của công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh không chỉ giới hạn ở khu vực miền Bắc mà còn mở rộng khai thác thị trường tại miền Trung và Nam. Vì vậy, công ty khá linh hoạt trong hình thức thanh toán sao cho thuận tiện cho khách hàng:

- Thanh toán ngay bằng tiền mặt, chuyển khoản,... hình thức này áp dụng với mọi khách hàng để đảm bảo thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động sản xuất, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.
- Bán chịu: được áp dụng cho những khách hàng lớn, có khả năng tài chính, khách hàng truyền thống của công ty.

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng (HĐ GTGT), phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng... và các chứng từ khác có liên quan.

Quy trình lập hóa đơn GTGT:

- Liên 1: lưu tại sổ gốc
- Liên 2: giao cho khách hàng
- Liên 3: làm căn cứ xuất hàng và giao cho kế toán nghiệp vụ bán hàng.

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

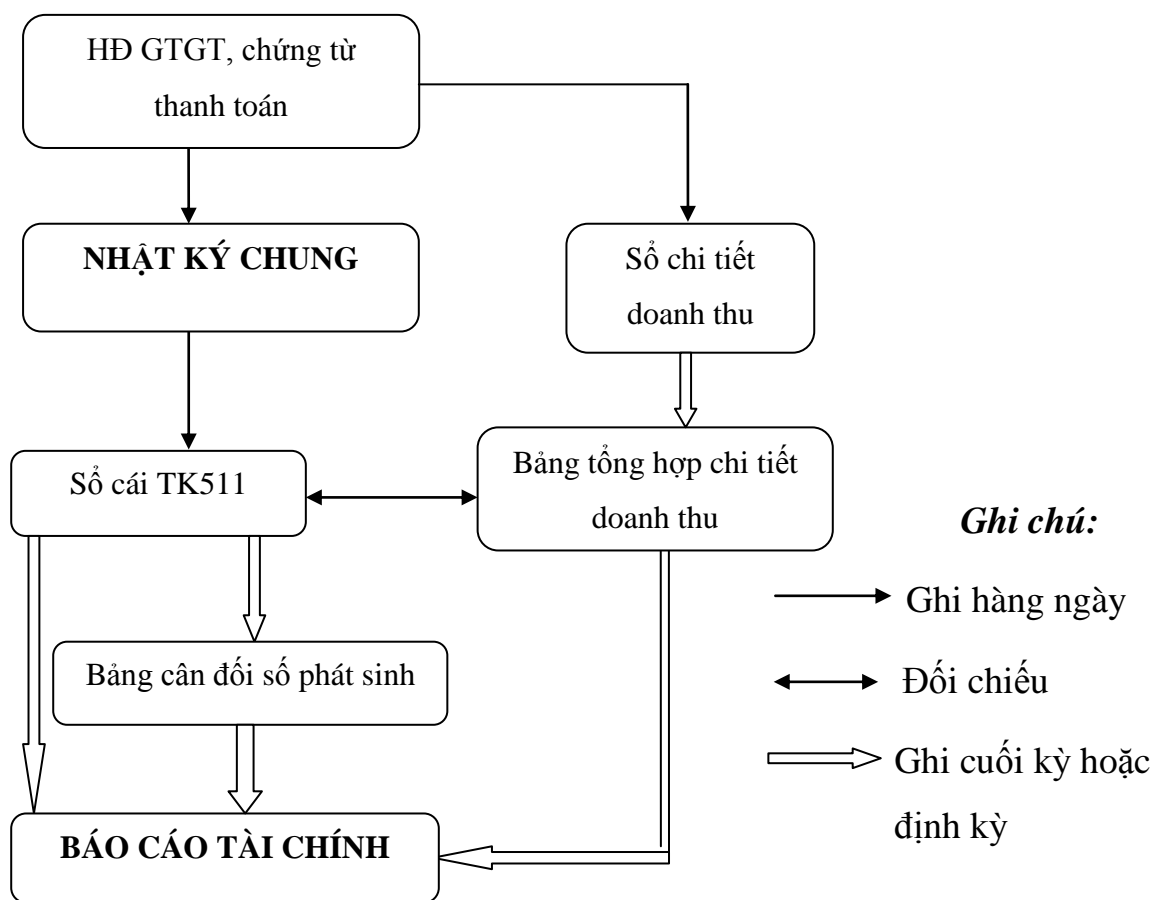
+ Các tài khoản có liên quan: TK111, TK 112, TK 131, TK 333

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật kí chung

+ Sổ cái TK 511 và các TK liên quan

2.2.1.3. Quy trình hạch toán.



Ví dụ:

NVI: Ngày 02/12/2011, xuất bán cho Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh 2000kg Hạt nhựa Hotmelt với đơn giá bán 22.500đồng/kg (giá chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Trình tự hạch toán:

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế và đơn đặt hàng của công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000221(biểu số 2.1).
- Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000221, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3), sổ chi tiết doanh thu (biểu số 2.5) và sổ chi tiết phải thu khách hàng.
- Căn cứ vào Sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 511 (biểu số 2.4).
- Căn cứ vào sổ chi tiết doanh thu, cuối tháng kế toán ghi vào bảng tổng hợp doanh thu.
- Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

NV2: Ngày 08/12/2011, xuất bán cho Công ty cổ phần nhựa Thương mại Việt Thành 1000kg Hạt nhựa Hotmelt với đơn giá 22.500đồng/kg (giá chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Trình tự hạch toán:

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế và đơn đặt hàng của công ty cổ phần nhựa Thương mại Việt Thành kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000227 (biểu số 2.2).
- Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000227, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3, sổ chi tiết doanh thu (biểu số 2.5) và sổ chi tiết phải thu khách hàng .
- Căn cứ vào Sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 511 (biểu số 2.4).
- Căn cứ vào sổ chi tiết doanh thu, cuối tháng kế toán ghi vào bảng tổng hợp doanh thu.
- Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000221

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 02 tháng 12 năm 2011			Mẫu số: 01 GTKT-3LL AA/11P 0000221																
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu - Lê Chân - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:																			
			MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>			0	2	0	0	6	0	8	2	2	9				
0	2	0	0	6	0	8	2	2	9										
Họ và tên người mua hàng: Chị Hoa Tên đơn vị: Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh Địa chỉ: số 18 PĐC-Bến Thủy Vinh Nghệ An Số tài khoản: Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MST:																			
			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>			2	9	0	0	5	3	1	2	2	2				
2	9	0	0	5	3	1	2	2	2										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Hạt phụ gia nhựa Hotmelt	kg	2.000	22.500	45.00.000														
					Cộng tiền hàng:	45.00.000													
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT:	4.500.000													
					Tổng cộng tiền thanh toán:	49.500.000													
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.																			
Người mua hàng <i>Nguyễn Thị Hoa</i>		Người bán hàng <i>Nguyễn Phương Thảo</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>Vũ Khắc Bút</i>															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000227

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/11P																
(Liên 3: Nội bộ)			0000227																
Ngày 08 tháng 12 năm 2011																			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh																			
Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu - Lê Chân - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:			MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>0</td><td>8</td><td>2</td><td>2</td><td>9</td><td>+</td><td>+</td><td>+</td><td>+</td></tr></table>			0	2	0	0	6	0	8	2	2	9	+	+	+	+
0	2	0	0	6	0	8	2	2	9	+	+	+	+						
Họ và tên người mua hàng: Chị Lan																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần nhựa Thương mại Việt Thành																			
Địa chỉ: Km12 QL1A đường Ngọc Hồi – Thanh Trì – Hà Nội																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán			MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>2</td><td>9</td><td>2</td><td>9</td><td>+</td><td>+</td><td>+</td><td>+</td></tr></table>			0	1	0	0	1	0	2	9	2	9	+	+	+	+
0	1	0	0	1	0	2	9	2	9	+	+	+	+						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Hạt phụ gia nhựa Hotmelt	kg	1.000	22.500	22.500.000														
Cộng tiền hàng:					22.500.000														
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 2.250.000														
Tổng cộng tiền thanh toán:					24.750.000														
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.																			
Người mua hàng <i>Lê Phương Lan</i>		Người bán hàng <i>Nguyễn Phương Thảo</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>Vũ Khắc Bút</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

Biểu số 2.3: Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: **Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh**
 Địa chỉ: **Số 87 Đình Nhu Lê Chân Hải Phòng**

Mẫu số: S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC		SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT Đồng		Nợ	Có
A	B	C	D			H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
01/12	HĐ 0000219	01/12	Xuất bán hạt phụ gia BicalPP cho cty CP Bao Bì TM Lâm Thao chưa thu tiền hàng			131	94.000.000	
						511		85.454.545
						3333		8.545.455
02/12	HĐ 0000221	02/12	Xuất bán hạt phụ gia Hotmelt cho Cty cổ phần Nhựa bao bì Vinh chưa thu tiền hàng			131	49.500.000	
						511		45.000.000
						3333		4.500.000
...
08/12	HĐ 0000227	08/12	Xuất bán hạt phụ gia Hotmelt cho Cty CP nhựa Thương mại Việt Thành chưa thu tiền hàng			131	24.750.000	
						511		22.500.000
						3333		2.250.000
09/12	HĐ 0000228	09/12	Xuất bán hạt phụ gia BicalPP cho Cty CP Nhựa TM Việt Thành chưa thu tiền hàng			131	91.300.000	
						511		83.000.000
						3333		8.300.000
...
			Cộng chuyển trang sau				497.503.898.283	497.503.898.283

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.4: Sổ cái TK511(trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
01/12	HĐ0000219	01/12	Doanh thu bán hạt phụ gia BicalPP	131		85.454.545
02/12	HĐ0000220	02/12	Doanh thu bán hạt phụ gia BicalPE	131		85.000.000
02/12	HĐ0000221	02/12	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		45.000.000
...
08/12	HĐ0000227	08/12	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		22.500.000
		
31/12			Kết chuyển doanh thu	911	44.911.092.786	
			Cộng số phát sinh		44.911.092.786	44.911.092.786
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết bán hạt nhựa Hotmelt (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: 87 Đình Nhu Lê Chân Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên tài khoản: Doanh thu bán hạt Hotmelt

Số hiệu: 511- Hotmelt

Tháng 12/ 2011

Số dư đầu kỳ : 0

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C		D	H	1	2
...
02/12	HĐ0000221	02/12	Cty CP Nhựa bao bì Vinh	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		45.000.000
08/12	HĐ0000227	08/12	Cty CP nhựa TM Việt Thành	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		22.500.000
15/12	HĐ0000235	15/12	Cty CP Nhựa bao bì Vinh	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		22.500.000
23/12	HĐ0000243	23/12	Cty CP Nhựa bao bì Vinh	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		22.500.000
30/12	HĐ0000251	30/12	Cty CP Nhựa bao bì Vinh	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		22.500.000
31/12	HĐ0000255	31/12	Cty Bao bì PP	Doanh thu bán hạt phụ gia Hotmelt	131		7.312.500
31/12	PKT	31/12		Kết chuyển doanh thu tháng 12	911	142.312.500	
				Tổng số phát sinh tháng 12		142.312.500	142.312.500

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu.
- Doanh nghiệp không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

Đối với thành phẩm do Công ty sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành. Đối với hàng hóa, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Giá vốn hàng bán của Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (theo tháng) nên giá vốn được tính vào cuối mỗi tháng.

$$\text{Trị giá xuất trong kỳ} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Đơn giá xuất}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng nhập trong kỳ}}$$

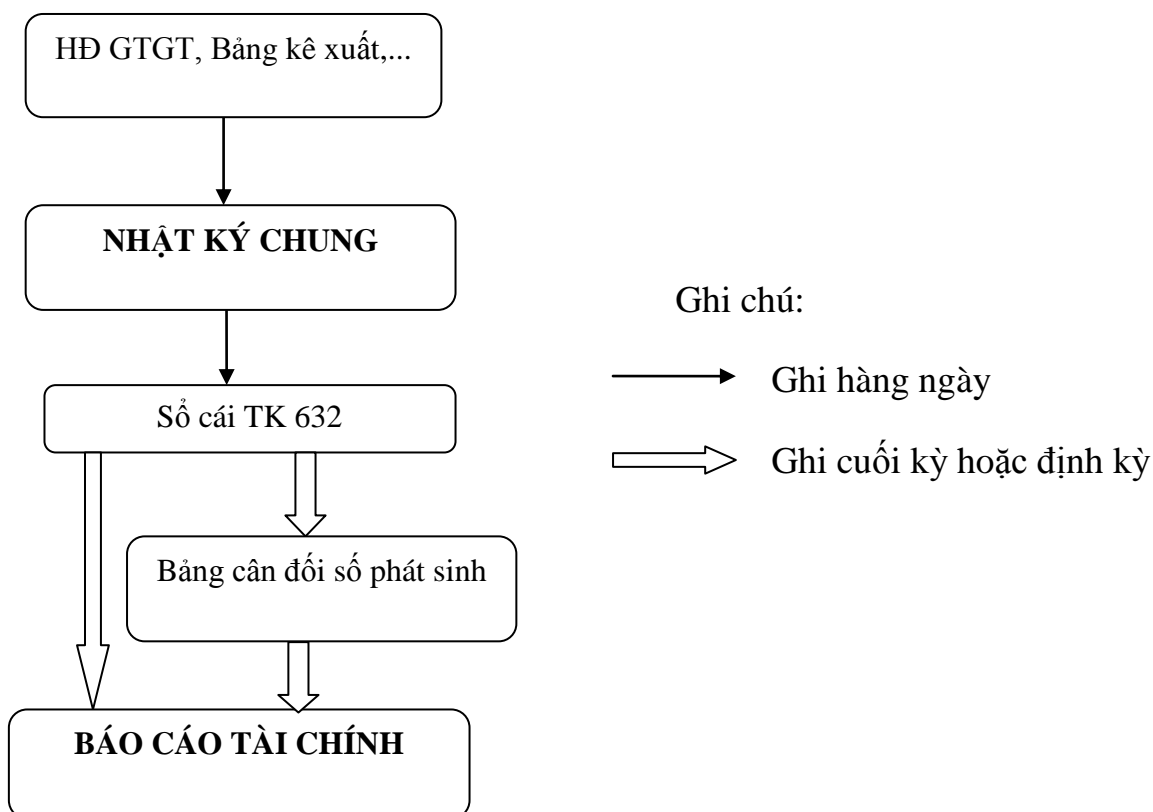
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Bảng kê xuất bán thành phẩm.
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

- Tài khoản sử dụng
 - + TK 632 - Giá vốn hàng bán.
 - + Các tài khoản có liên quan: TK 155,...
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật kí chung
 - + Sổ cái

2.2.3.3. Quy trình hạch toán



Ví dụ:

Tiếp NVI: Ngày 02/12/2011, xuất bán cho Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh 2000kg Hạt nhựa Hotmelt với đơn giá bán 22.500đồng/kg (giá chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào số lượng ghi trên hóa đơn GTGT số 0000221 (biểu số 2.1), kế toán tiến hành ghi vào bảng kê xuất hạt nhựa Hotmelt (biểu số 2.6).

- 31/12, với lượng tồn kho đầu tháng là 525kg trị giá 9.831.541đ và tổng hợp tình hình nhập trong tháng là 11.223kg trị giá 213.464.680đ tính được đơn giá xuất kho hạt nhựa Hotmelt bằng 19.007đ/kg, ghi vào bảng kê.

- Căn cứ vào số liệu trên bảng kê, kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.7), sổ cái TK632 (biểu số 2.8).

- Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Tiếp NV2: Ngày 08/12/2011, xuất bán cho Công ty cổ phần Nhựa thương mại Việt Thành 1000kg Hạt nhựa Hotmelt với đơn giá 22.500đồng/kg (giá chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào số lượng ghi trên hóa đơn GTGT số 0000227 (biểu số 2.2), kế toán tiến hành ghi vào bảng kê xuất hạt nhựa Hotmelt (biểu số 2.6).

- 31/12, với lượng tồn kho đầu tháng là 525kg trị giá 9.831.541đ và tổng hợp tình hình nhập trong tháng là 11.223kg trị giá 213.464.680đ tính được đơn giá xuất kho hạt nhựa Hotmelt bằng 19.007đ/kg, ghi vào bảng kê.

- Căn cứ vào số liệu trên bảng kê, kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.7), sổ cái TK632 (biểu số 2.8).

- Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.6: Bảng kê xuất thành phẩm

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT THÀNH PHẨM

Tài khoản : 1551

Tên thành phẩm: Hạt phụ gia Hotmelt

Tháng 12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Xuất		
Số hiệu	Ngày tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
HĐ0000221	02/12	Xuất kho bán trực tiếp	2.000		
HĐ0000227	08/12	Xuất kho bán trực tiếp	1.000		
HĐ0000235	15/12	Xuất kho bán trực tiếp	1.000		
HĐ0000243	23/12	Xuất kho bán trực tiếp	1.000		
HĐ0000251	30/12	Xuất kho bán trực tiếp	1.000		
HĐ0000255	31/12	Xuất kho bán trực tiếp	325		
	31/12	Cộng số phát sinh	6.325	19.007	120.219.275

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.7: Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: **Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh**
 Địa chỉ: **Số 87 Đình Nhu Lê Chân Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a-DN**
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC		SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyên sang					
			Số phát sinh					
							
01/12	HD 0000219	01/12	Xuất bán hạt phụ gia BicalPP cho cty CP Bao Bì TM Lâm Thao chưa thu tiền hàng			131	94.000.000	
						511		85.454.545
						3333		8.545.455
02/12	HD 0000221	02/12	Xuất bán hạt phụ gia Hotmelt cho Cty CP Nhựa bao bì Vinh chưa thu tiền hàng			131	49.500.000	
						511		45.000.000
						3333		4.500.000
...
31/12	BKX	31/12	Xác định giá vốn hạt phụ gia Hotmelt tháng 12			632	120.219.275	
						155		120.219.275
31/12	BKX	31/12	Xác định giá vốn hạt phụ gia BicalPP tháng 12			632	2.283.347.826	
						155		2.283.347.826
...
			Cộng chuyển trang sau				497.503.898.283	497.503.898.283

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
		
31/12	BKX	31/12	Xác định giá vốn hạt phụ gia Hotmelt tháng 12	155	120.219.275	
31/12	BKX	31/12	Xác định giá vốn hạt phụ gia BicalPP tháng 12	155	2.283.347.826	
31/12	BKX	31/12	Xác định giá vốn hạt phụ gia BicalPE tháng 12	155	205.434.782	
31/12	BKX	31/12	Xác định giá vốn hạt phụ gia Bicoat tháng 12	155	860.652.173	
			
31/12			Kết chuyển giá vốn	911		40.686.606.481
			Cộng số phát sinh		40.686.606.481	40.686.606.481
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc
Vũ Khắc Bút

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng của công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh bao gồm những chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng như: chi phí đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp,...

Các khoản chi phí ghi vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ hợp lệ, đầy đủ và được tổng hợp vào bên nợ của tài khoản 641- chi phí bán hàng.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

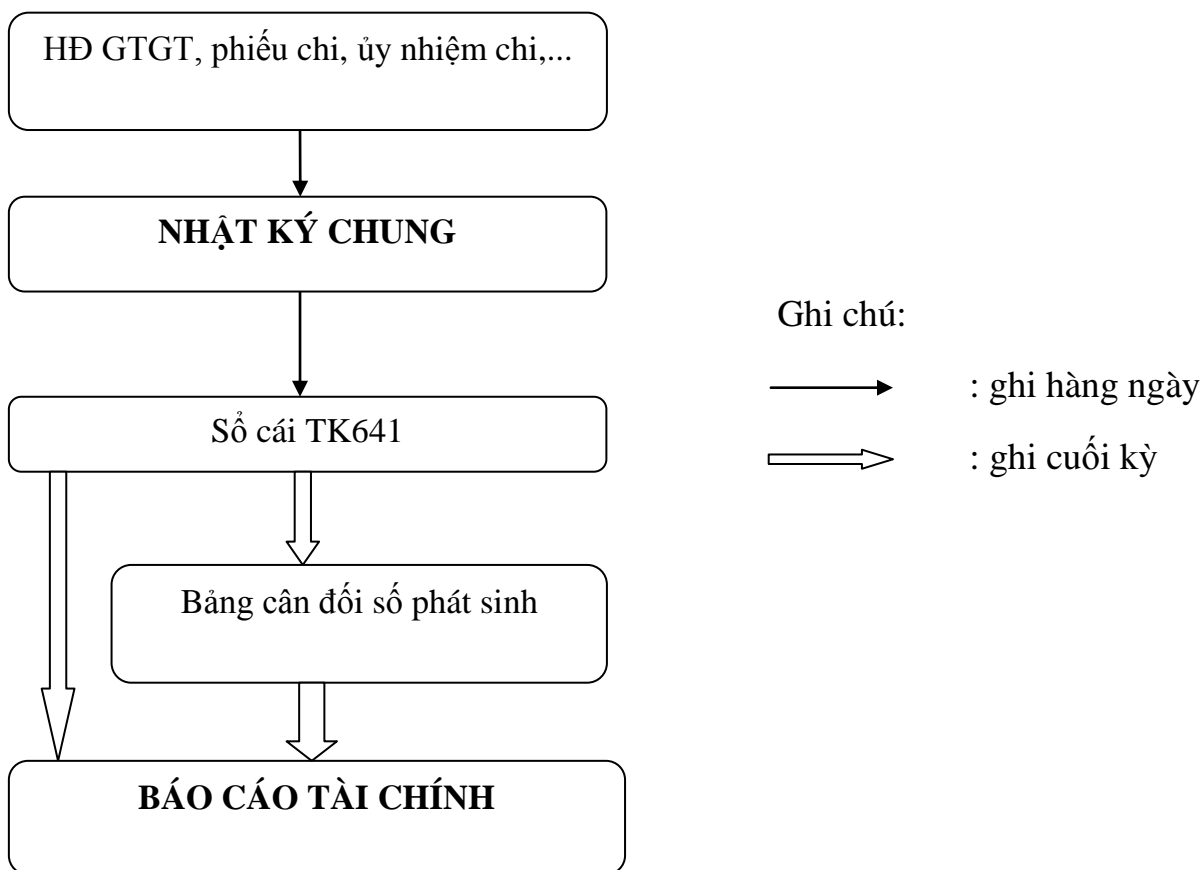
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ,...
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 641 - chi phí bán hàng
 - + Các tài khoản có liên quan: TK 111, TK 112, TK 214, TK 334,...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật kí chung
 - + Sổ cái TK 641, TK111, TK 331,...

2.2.4.3. Quy trình hạch toán.



- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT , phiếu chi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung .
- Căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 641.
- Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 641 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 20/12, chi tiền mặt thanh toán tiền vận chuyển cho công ty cổ phần thương mại và vận tải Phúc An Hưng với số tiền 2.333.400 đồng theo hóa đơn số 003574.

Trình tự hạch toán:

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0035741 (biểu số 2.9), kế toán tiến hành viết phiếu chi số 55/12 (biểu số 2.10).

- Từ các chứng từ trên kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.11), sổ cái TK 641 (biểu số 2.12).

Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT số 0035741

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL																	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/11P																	
(Liên 2 : Giao khách hàng)		0035741																	
Ngày 20 tháng 12 năm 2011																			
Đơn vị bán hàng: Cty Cp thương mại và vận tải Phúc An Hưng																			
Địa chỉ: số 20/199 Tô Hiệu - Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:	MST:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td>5</td><td>4</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	0	7	8	7	5	4	6						
0	2	0	0	7	8	7	5	4	6										
Họ và tên người mua hàng: Anh Sùng																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh																			
Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu - Lê Chân - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: tiền mặt	MST:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>0</td><td>8</td><td>2</td><td>2</td><td>9</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	0	6	0	8	2	2	9						
0	2	0	0	6	0	8	2	2	9										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Phí vận chuyển hàng				2.124.000														
Cộng tiền hàng:					2.124.000														
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		212.400															
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.336.400														
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng chẵn./.																			
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị															
Nguyễn Văn Sùng		Lê Thị Mai		Nguyễn Bảo Long															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

- Cuối kỳ, cộng số liệu kết chuyển xác định kết quả kinh doanh, lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 2.10: Phiếu chi số 55/12

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: PC 55/12

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Nợ: 641, 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Văn Sùng
Địa chỉ : Phòng kế toán
Lí do chi : Trả tiền vận chuyển
Số tiền : 2.336.400 đ
Viết bằng chữ : Hai triệu ba trăm ba sáu nghìn bốn trăm đồng.
Kèm theo01..... HĐGTGT

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>Vũ Khắc Bút</i>	<i>Nguyễn Văn Sùng</i>	<i>Nguyễn Văn Sùng</i>	<i>Vũ Thị Thủy</i>

Biểu số 2.11: Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC		SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
							
01/12	HĐ 0000219	01/12	Xuất bán hạt phụ gia BicalPP cho cty CP Bao Bì TM Lâm Thao chưa thu tiền hàng			131	94.000.000	
						511		85.454.545
						3333		8.545.455
...
20/12	HĐ 0035741	20/12	Trả tiền vận chuyển cho công ty CP thương mại Phúc An Hưng bằng tiền mặt			641	2.124.000	
	PC55/12	20/12				133	212.400	
						111		2.336.400
...
31/12			Kết chuyển chi phí bán hàng			911	1.773.100.75	
						641		1.773.100.75
...
			Cộng chuyển trang sau				497.503.898.283	497.503.898.283

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.12: Sổ cái TK641 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh
 Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng
 Số hiệu: 641
 Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
12/12	HD 0005695	12/12	Chi tiền mặt trả tiền vận chuyển cho cty			
	PC35/12	12/12	Trần Hùng	111	3.000.000	
20/12	HD 0035741	20/12	Chi tiền mặt trả tiền vận chuyển cho cty			
	PC55/12	20/12	CP thương mại Phúc An Hưng	111	2.124.000	
22/12	HD 0005696		Chi tiền mặt trả tiền vận chuyển cho cty			
	PC63/12		Trần Hùng	111	1.350.000	
...
31/12			Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1.773.100.75
			Cộng số phát sinh		1.773.100.755	1.773.100.755
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
 Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng
 Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc
 Vũ Khắc Bút

2.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh là những chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Các chi phí bằng tiền khác.

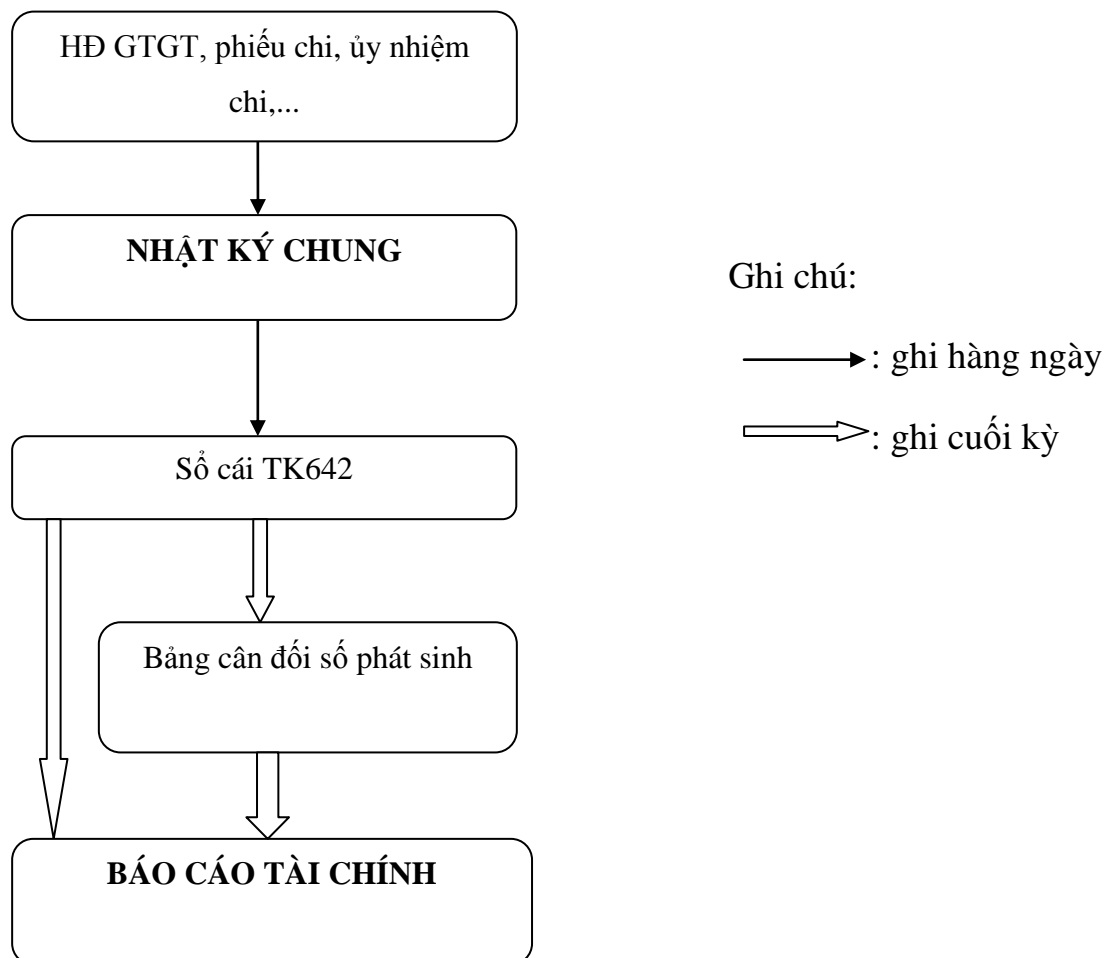
2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ,...
- Bảng lương, bảng phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.5.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

- Tài khoản sử dụng
 - + TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp
 - + Các tài khoản có liên quan: TK 111, TK 112, TK 214, TK 334,..
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 642, TK111, TK331,..

2.2.5.3. Quy trình hạch toán.



- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung .
- Căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 641.
- Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 10/12/2011, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011 số tiền là 2.306.507 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%). Phiếu chi số 08/12.

Trình tự hạch toán:

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT dịch vụ viễn thông (biểu số 2.13), kế toán viết phiếu chi số 23/12 (biểu số 2.14).
- Từ các chứng từ trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.15), Sổ cái

TK 642 (biểu số 2.16).

- Cuối kỳ tiến hành kết chuyển chi phí QLDN, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Mẫu số: 01GTKT2/001

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao khách hàng

SỐ: 1103915

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): **Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh**

Mã số:

Địa chỉ (address): 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng.....

Số điện thoại (tel): 0312.241.739Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Sử dụng dịch vụ (kind of service)	Thành tiền (Amount) VND
Kỳ cước tháng 11/2011	
a. Cước dịch vụ Viễn thông	2.306.507
b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c. Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d. Khuyến mại	0
e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a + b + c +d) Cộng tiền dịch vụ (1)	2.306.507
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT (2)	230.650
(1+ 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán (1+ 2)	2.537.157

Số tiền viết bằng chữ: **Hai triệu hai trăm nghìn đồng.**

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.14: Phiếu chi số 23/12

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: PC 23/12

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Nợ: 642, 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Phương Thảo
Địa chỉ : Phòng kế toán
Lí do chi : Trả tiền viễn thông
Số tiền : 2.537.157 đ
Viết bằng chữ : Hai triệu hai trăm nghìn đồng.
Kèm theo01..... HĐGTGT

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Thủ quỹ
Vũ Khắc Bút	Nguyễn Văn Sùng	Nguyễn Phương Thảo	Vũ Thị Thủy

Biểu số 2.15: Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: **Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh**
 Địa chỉ: **Số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng**

Mẫu số: S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC		SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
							
01/12	HD 0000219	01/12	Xuất bán hạt phụ gia BicalPP cho cty CP Bao Bì TM Lâm Thao chưa thu tiền hàng			131	94.000.000	
						511		85.454.545
						333		
						3		8.545.455
...
10/12	HD 1103915	10/12	Chi tiền mặt thanh toán cước viễn thông tháng 11			642	2.306.507	
	PC 23/12					133	230.650	
						111		2.537.157
...
20/12	HD 0035741	20/12	Trả tiền vận chuyển cho công ty CP thương mại Phúc An Hưng bằng tiền mặt			641	2.124.000	
	PC55/12	20/12				133	212.400	
						111		2.336.400
...
31/12			Kết chuyển chi phí QLDN			911	564.550.889	
						642		564.550.889
...
			Cộng chuyển trang sau				497.503.898.283	497.503.898.283

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.16: Sổ cái TK 642 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu: 642
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
10/12	HD 1103915	10/12	Chi tiền mặt thanh toán cước viễn thông tháng 11	111	2.306.507	
	PC23/12	10/12				
...
31/12	BLT12	31/12	Tính lương bộ phận quản lý	334	24.670.000	...
31/12			Kết chuyển chi phí QLDN	911		564.550.889
			Cộng số phát sinh		564.550.889	564.550.889
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

2.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- *Doanh thu hoạt động tài chính* được Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh sử dụng để phản ánh lãi tiền gửi ngân hàng là chủ yếu. Gồm các chứng từ:

- + Giấy báo Có của ngân hàng,
- + Sổ phụ và bản sao kê của ngân hàng,
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

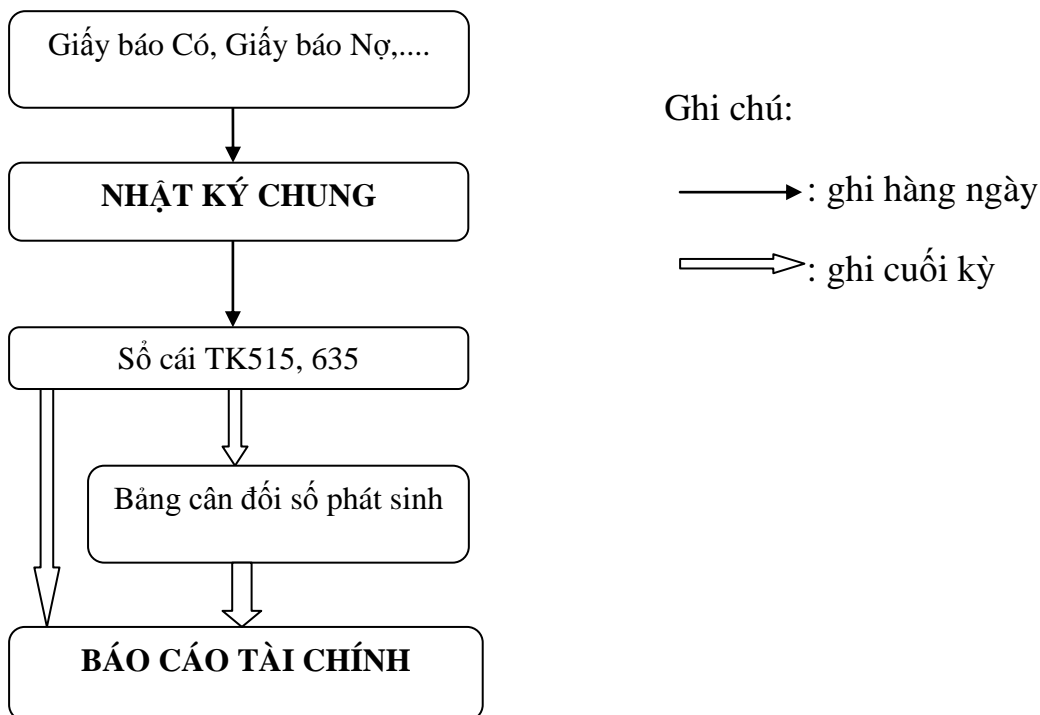
- *Chi phí tài chính* được công ty sử dụng để phản ánh chi phí hoạt động tài chính như chi phí chuyển tiền qua ngân hàng, chi phí lãi vay,... Gồm các chứng từ:

- + Phiếu thu phí dịch vụ tiền mặt hoặc chuyển khoản
- + Giấy báo Nợ của ngân hàng
- + Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.6.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

- Tài khoản sử dụng
 - + TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính
 - + TK 635 – chi phí tài chính
 - + Các tài khoản khác có liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 515, TK 635,...

2.2.6.3. Quy trình hạch toán.



- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc phản ánh chi phí tài chính, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515, TK 635 đồng thời theo dõi trên sổ tiền gửi ngân hàng chi tiết theo từng ngân hàng.

- Cuối kỳ tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

NV1: Ngày 23/12, công ty nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tiền 466.602 đồng.

NV2: Ngày 24/12, công ty nhận được Giấy báo Nợ của ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam thu lãi vay tháng 11, số tiền 18.166.188 đồng.

Trình tự hạch toán:

- Căn cứ vào giấy báo Có (biểu số 2.17), giấy báo Nợ (biểu số 2.18),... kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.19), sổ cái các TK 515 (biểu số 2.20) và TK 635 (biểu số 2.21).

- Cuối kỳ, tổng hợp phát sinh kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17: Giấy báo có

**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH: HẢI PHÒNG**

Mẫu số/ Sample No: CT001/KH
Ngày in/ Prt.Date: 23/12/2011
Trang/ Page No : 1

Khách hàng/ Customer name Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh

Số tài khoản/ Account No. **Mã KH/CIF No** **Loại tiền tệ / Currency** **:VND**

Ngày hạch toán/ Posting date **17** **:23/12/2011**

Diễn giải	Phát sinh Nợ	Phát sinh có	Ng.hiệu lực	GDV	C.từ	Số séc
Txn.Description	Debit amount	Credit amount	Eff.Date	Teller	Seq No	Check No
Dư đầu ngày/ Beginning balance		13.525.853.445				
Lãi tiền gửi		466.602	12/23/2011			
Cộng phát sinh/ Total amount		466.602				
Dư cuối ngày/ Ending balance		13.526.320.047				
Trong đó:	-Số dư khả dụng/ Aavailable Amount: 13.526.320.047		-Nhờ thu/ Collection: -			
	-Số dư phong tỏa / Hold amount: -		-Số dư sổ cái/ Ledger Balance: 13.526.320.047			

Giao dịch viên/ Checked by

Kiểm soát viên/ Verified by

Biểu số 2.18: Giấy báo Nợ

**NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM
EXIM BANK**

MÃ GDV:
MÃ KH: 38759

GIẤY BÁO NỢ

Số: 341

Ngày: 24/12/2011

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 160314851004881

Số tiền bằng số: **18.166.188**

Số tiền bằng chữ: *Mười tám triệu một trăm sáu sáu nghìn một trăm tám mươi tám đồng.*

Nội dung: Thu lãi vay tháng 11

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.19: Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC		SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
							
23/12	GBC 17	23/12	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam trả lãi			112	466.602	
						515		466.602
24/12	GBN341	31/12	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam thu lãi vay			632	18.166.188	
						112		18.166.188
...
31/12			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	125.146.125	
						911		125.146.125
31/12			Kết chuyển chi phí tài chính			911	934.995.343	
						635		934.995.343
...
			Cộng chuyển trang sau				501.503.898.283	501.503.898.283

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.20: Sổ cái TK 515 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
23/12	GBC17	31/12	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam trả lãi	112		466.602
...
31/12	GBC18	31/12	Ngân hàng dầu khí Việt Nam trả tiền lãi tháng 12	112		1.356.861
31/12			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	125.146.125	
			Cộng số phát sinh		125.146.125	125.146.125
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 635 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
24/12	GBN341	24/12	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam thu lãi vay	112	18.166.188	
31/12			Kết chuyển chi phí tài chính	911		934.995.343
			Cộng số phát sinh		934.995.343	934.995.343
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh xác định kết quả kinh doanh vào cuối mỗi tháng theo công thức:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \frac{\text{Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh chính}}{\text{chính}} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh được xác định:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

- Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí khác}$$

Từ các công thức trên, kế toán tổng hợp số liệu về kết quả của các hoạt động và tính ra kết quả kinh doanh của mỗi tháng.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2011:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	= 44.911.092.786
Các khoản giảm trừ doanh thu	= 0
Giá vốn hàng bán	= 40.468.606.481
Doanh thu hoạt động tài chính	= 125.146.125
Chi phí tài chính	= 934.995.343
Chi phí bán hàng	= 1.773.100.755

Chi phí quản lý doanh nghiệp = 564.550.889

Thu nhập khác = 0

Chi phí khác = 0

LN gộp = 44.911.092.786 – 40.468.606.481 = 4.442.486.305 đ

LN thuần = 4.442.486.305 – 1.773.100.755 – 564.550.889
= 2.104.834.661 đ

Kết quả hoạt động tài chính = 125.146.125 - 934.995.343 = - 809.849.218 đ

LN khác = 0 đ

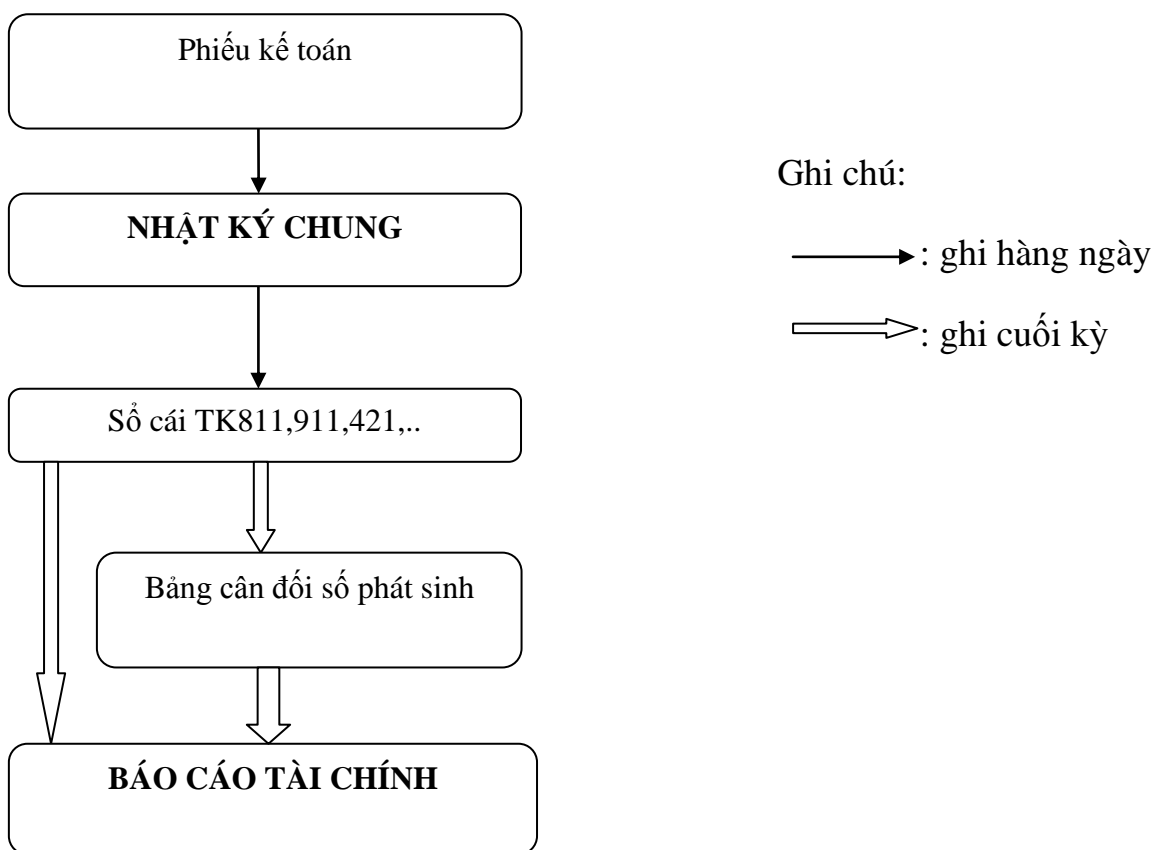
LN kế toán trước thuế = 2.104.834.661 + (- 809.849.218) = 1.294.985.443 đ

Chi phí thuế TNDN = 1.294.985.443 x 25% = 323.746.361 đ

Lợi nhuận sau thuế = 971.239.082 đ

2.2.7.2. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chứng từ sử dụng: phiếu kê toán
- Tài khoản sử dụng: TK 821
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 821, TK 3334
- Quy trình hạch toán:



Cuối tháng, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả lãi lỗ của các hoạt động của công ty để tiến hành xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN.

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế} &= \text{Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế} - \text{CP hợp lý trong năm tính thuế} + \text{Thu nhập chịu thuế khác trong năm tính thuế} \end{aligned}$$

Biểu số 2.22: Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC		SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
31/12			Kết chuyển DT bán hàng			511	44.911.092.786	
						911		44.911.092.786
31/12			Kết chuyển giá vốn			911	40.468.606.481	
						632		40.468.606.481
31/12			Kết chuyển chi phí bán hàng			911	1.773.100.755	
						641		1.773.100.755
31/12			Kết chuyển chi phí QLDN			911	564.550.889	
						642		564.550.889
31/12			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	125.146.125	
						911		125.146.125
31/12			Kết chuyển chi phí tài chính			911	934.995.343	
						635		934.995.343
31/12			Xác định chi phí thuế TNDN			821	323.746.361	
						333 4		323.746.361
31/12			Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	323.746.361	
						821		323.746.361
31/12			Kết chuyển lãi			911	971.239.082	
						421		971.239.082
			Cộng chuyển trang sau				501.503.898.283	501.503.898.283

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 911 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
31/12			Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		44.911.092.786
31/12			Kết chuyển giá vốn	632	40.468.606.481	
31/12			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	1.773.100.755	
31/12			Kết chuyển chi phí QLDN	642	564.550.889	
31/12			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		125.146.125
31/12			Kết chuyển chi phí tài chính	635	934.995.343	
31/12			Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	323.746.361	
31/12			Kết chuyển lãi	421		971.239.082
			Cộng số phát sinh		46.007.477.993	46.007.477.993
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 821 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN
Số hiệu: 821
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
31/12			Xác định thuế TNDN	3334	323.746.361	
31/12			Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		323.746.361
			Cộng số phát sinh		323.746.361	323.746.361
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.25: Sổ cái TK 421 (trích)

Đơn vị: Công ty cổ phần hóa chất Bình Minh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			723.152.455
			Số phát sinh			
			...			
31/12			Kết chuyển lãi	911		971.239.082
			Cộng số phát sinh		48.561.954	971.239.082
			Số dư cuối kỳ			1.637.338.083

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Văn Sùng

Vũ Khắc Bút

Biểu số 2.26: Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh
 Địa chỉ: Số 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2011

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	44.911.092.786	39.772.121.683
Trong đó : Doanh thu hàng xuất khẩu	02		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		5.990.000
+ Chiết khấu thương mại	04		
+ Giảm giá hàng bán	05		
+ Hàng bán bị trả lại	06		5.990.000
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: (10=01- 03)	10	44.911.092.786	39.766.131.683
4. Giá vốn hàng bán	11	40.468.606.481	36.512.951.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	4.442.486.305	3.253.180.084
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	125.146.125	24.042.038
7. Chi phí tài chính	22	934.995.343	399.662.603
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	934.995.343	397.067.145
8. Chi phí bán hàng	24	1.773.100.755	1.491.710.424
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	564.550.889	421.645.822
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 30 = 20 + (21-22) - (24+25)	30	1.294.985.443	964.203.273
11. Thu nhập khác	31		
12. Chi phí khác	32		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 50 = (30+ 40)	50	1.294.985.443	964.203.273
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	323.746.361	241.050.818
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:(60 = 50 - 51)	60	971.239.082	723.152.455
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		0	0

Người lập
 Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng
 Nguyễn Văn Sùng

Giám đốc
 Vũ Khắc Bút

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH

3.1. Nhận xét chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

Trải qua 8 năm hình thành và phát triển, công ty CP hóa chất Bình Minh đã trở thành một doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, bắt kịp với nhịp độ phát triển chung của đất nước. Có được điều kiện đó là do công ty đã nhanh chóng nắm bắt được tình hình để sắp xếp lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, lựa chọn đội ngũ cán bộ có tinh thần trách nhiệm, có trình độ nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với yêu cầu của cơ chế mới. Sự thành công này một phần là do đóng góp của các cán bộ kế toán đã cung cấp thông tin cần thiết, chính xác giúp cho lãnh đạo công ty đề ra các quyết định đúng đắn, lựa chọn phương án kinh doanh tốt nhất, đem lại lợi ích thiết thực cho công ty.

Hiện nay nền kinh tế thị trường ngày một mở rộng và cạnh tranh lẫn nhau. Công ty đã luôn nhanh chóng kịp thời nắm bắt sự thay đổi trên thị trường để tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty nói chung và công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những thay đổi hợp lý, phù hợp với môi trường cạnh tranh. Cùng với sự phát triển của công ty bộ máy kế toán cũng không ngừng được kiện toàn và tổ chức lại hợp lý, tính chuyên hóa trong công việc cao.

3.1.1. Ưu điểm.

Qua tìm hiểu công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty CP hóa chất Bình Minh, dựa trên những nhận thức của bản thân và lý luận kết hợp với những hiểu biết thực tế em thấy công ty đã đạt được những ưu điểm sau:

3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, phù hợp với quy mô và yêu cầu quản lý của công ty. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên tạo nên mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời, cung cấp thông tin một cách đầy đủ, dễ dàng đối chiếu, kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh giúp cho công tác lập báo cáo tài chính được thuận lợi đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

- Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ đại học, cao đẳng trở lên, có kinh nghiệm gồm 1 kế toán trưởng và 2 kế toán viên phù hợp với khối lượng công việc tại công ty và có thể hỗ trợ giúp đỡ nhau tạo thành một khối thống nhất đảm bảo công tác kế toán tại công ty được phối hợp nhịp nhàng và đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.**❖ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :**

- Công ty sử dụng đúng mẫu chứng từ ban đầu theo quy định phù hợp với nghiệp vụ phát sinh, phản ánh đầy đủ nội dung và tính trung thực của thông tin. Kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo tính chính xác cao. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho công việc kế toán khi cần tìm số liệu để so sánh và đối chiếu.

- Việc sử dụng Tài khoản kế toán được thực hiện theo hệ thống Tài khoản ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đảm bảo việc cập nhật những quy định mới nhất về Tài khoản kế toán. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Hiện nay công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức khá đơn giản, thuận tiện cho việc sử dụng máy tính và dễ dàng ghi chép sổ tổng hợp và phù hợp với đặc điểm công tác kế toán tại công ty, đảm bảo cho công ty dễ dàng theo dõi mọi hoạt động, phát hiện kịp thời những sai sót để sửa đổi bổ sung.

❖ *Về việc hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty*

-*Về kế toán chi phí*: Trong kỳ, các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được bộ phận kế toán cập nhật kịp thời, nhanh chóng, đầy đủ và chi tiết đảm bảo quản lý tốt các loại chi phí. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ là phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

-*Về kế toán doanh thu*: Trong kỳ khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng đều được kế toán ghi nhận đầy đủ, chính xác và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu.

-*Về kế toán xác định kết quả kinh doanh*: Cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành tập hợp chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc. Vì vậy giám đốc công ty có thể nắm bắt được tình hình hoạt động cũng như tài chính của công ty một cách thường xuyên, liên tục, biết được những thế mạnh cần phát huy và những yếu kém cần khắc phục từ đó có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

3.1.2. Tồn tại cần khắc phục.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP hóa chất Bình Minh còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1. Về tổ chức kế toán.**❖ Về chứng từ kế toán:**

– Trong kỳ, khi phát sinh các nghiệp vụ xuất bán thành phẩm không có phiếu xuất kho khiến cho công tác theo dõi, kiểm tra hàng xuất kho, tồn kho khá khó khăn.

– Cuối kỳ, khi kế toán tổng hợp tất cả các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ và xác định kết quả để đưa ra các bút toán kết chuyển thì công ty không lập các phiếu kế toán. Đây là một hạn chế của công ty vì việc lập các phiếu kế toán sẽ đảm bảo tính chính xác và tiện cho công tác kiểm tra theo dõi của bộ phận kế toán.

❖ Về việc chưa áp dụng phần mềm kế toán:

Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán, việc ghi chép các loại chi phí và doanh thu phát sinh trong kỳ vẫn thực hiện thủ công cho nên khối lượng công việc của kế toán vẫn còn nhiều, việc tính toán vẫn còn vất vả và mất nhiều thời gian cho nhân viên kế toán. Công ty cũng chưa tổ chức bộ máy kế toán quản trị để phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Vì vậy những thông tin mà kế toán cung cấp cho nhà quản lý vẫn thiếu tính chính xác, kịp thời và còn nhiều bất cập trong việc điều hành quản lý nội bộ đơn vị.

3.1.2.2. Về việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.**❖ Về việc chưa áp dụng chiết khấu thanh toán.**

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, việc kinh doanh ngày càng trở lên khó khăn, đòi hỏi doanh nghiệp phải nhạy bén, kịp thời nắm bắt sự thay đổi trên thị trường để làm ăn có hiệu quả mang lại lợi nhuận cao. Từ trước tới nay công ty CP hóa chất Bình Minh không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm hơn so với thời gian ghi trong hợp đồng. Đây là một hạn chế của công ty không thể thúc đẩy nhanh quá trình thanh toán, thu

hút thêm nhiều khách hàng, khó khăn trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

❖ *Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi*

Công ty áp dụng cả hình thức thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm nhưng hiện nay trong công tác kế toán công ty vẫn chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Vì vậy, khi có trường hợp không đòi được nợ (khách hàng trốn nợ hoặc không có khả năng thanh toán nợ) thì việc phản ánh doanh thu bán hàng của công ty sẽ không được đảm bảo tính chính xác và hợp lý. khách hàng của công ty hiện nay trả chậm khá nhiều, có các khách hàng mua hàng đã lâu, quá hạn hợp đồng nhưng vì nhiều lý do không thích hợp mà vẫn chưa thanh toán cho công ty.

❖ *Về việc lập các bảng tổng hợp chi tiết theo tài khoản .*

Hiện nay, công ty chỉ mở các sổ kế toán chi tiết doanh thu các bảng tổng hợp chi tiết theo tài khoản như bảng tổng hợp chi tiết doanh thu, giá vốn... từ đó gây khó khăn trong việc theo dõi, đối chiếu số liệu giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành công hay thất bại của một doanh nghiệp phụ thuộc vào từng quyết định mà nhà quản lý đưa ra. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp để từ đó, ban lãnh đạo sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được

thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.

3.2.2.1. Về tổ chức kế toán:

❖ Về chứng từ kế toán:

– Mỗi lần xuất thành phẩm, công ty cần ghi phiếu xuất kho để tiện cho việc theo dõi lượng hàng xuất, tồn kho và làm căn cứ ghi sổ sách kế toán.

Dưới đây là mẫu phiếu xuất kho:

Theo ví dụ: Ngày 02/12/2011, xuất bán cho Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh 2000kg Hạt nhựa Hotmelt với đơn giá bán 22.500đồng/kg (giá chưa VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Thủ kho căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.1) lập phiếu xuất kho (biểu số 3.1)

Biểu số 3.1: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty CP Hóa chất Bình Minh
Địa chỉ: 87 Đình Nhu Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
 QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của BTBTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02/12/2011

Số : 03/12

Nợ TK: 632

Có TK : 155

Họ tên người nhận hàng: Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh

Địa chỉ: số 18 PĐC-Bến Thủy Vinh Nghệ An

Lí do xuất: Xuất bán thành phẩm

Xuất tại kho: Thành phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt phụ gia nhựa Hotmelt	H1	kg	2.000	2.000		
	/						
	<i>Cộng:</i>			2.000	2.000		

Cộng (viết bằng chữ):

Xuất ngày 02/12/2011

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

- Cuối kỳ khi tổng hợp các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả, công ty nên lập các phiếu kế toán để thực hiện các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh như phiếu kế toán kết chuyển doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác, ... sau đó căn cứ vào số liệu trên các phiếu kế toán để ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái.

Dưới đây là một số phiếu kế toán:

Biểu số 3.2:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 04

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu	511	911	44.911.092.786
	Cộng			44.911.092.786

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Biểu số 3.3:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 05

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	40.468.606.481
	Cộng			40.468.606.481

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Biểu số 3.4:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 06

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	1.773.100.755
	Cộng			1.773.100.755

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Biểu số 3.5:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 07

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	564.550.889
	Cộng			564.550.889

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Tương tự, lập các phiếu kế toán với các bút toán kết chuyển tiếp theo.

❖ *Về việc áp dụng phần mềm kế toán:*

Hiện nay trước nhu cầu thông tin ngày càng cao, ở nước ta đang diễn ra quá trình tin học hóa trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Việc áp dụng máy vi tính vào công tác xây dựng hệ thống chương trình kế toán đã trở lên phổ biến, các phần mềm kế toán ngày càng nhiều. Hiện nay, phần mềm kế toán FAST là phần mềm có nhiều chức năng và thuận tiện cho công tác kế toán tại các đơn vị. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán FAST vào sử dụng để việc cập nhật các chứng từ, sổ sách được thuận lợi cho công tác kiểm tra theo tiến độ từng nhân viên kế toán. Phần mềm kế toán thiết kế sẽ cho tự tạo thành hệ thống sổ theo hình thức nhật ký chung và không mất thời gian xử lý bằng chương trình Microsoft Word và Excel như hiện tại. Việc sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán tại công ty sẽ giúp cho công việc của các nhân viên kế toán trở lên nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, công sức đồng thời đảm bảo tính chính xác, khoa học, hợp lý, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán.

3.2.2.2. Về việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

❖ *Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán.*

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ban giám đốc phải vạch ra những chiến lược lâu dài có

tính khả thi cao nhằm thúc đẩy nhanh quá trình thanh toán, thu hút thêm nhiều khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn. Do đó ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Chiết khấu thanh toán : là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh.

- *Tỷ lệ chiết khấu:*

Tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ phần trăm của doanh thu hoặc giá bán được khấu trừ nếu người mua trả tiền trong thời hạn chiết khấu. Thay đổi tỷ lệ chiết khấu ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu. Nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm doanh thu ròng, do đó, giảm lợi nhuận. Liệu giảm chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không ?

Vì vậy khi xây dựng *tỷ lệ chiết khấu*, công ty cần xem xét kỹ lưỡng để tỷ lệ chiết khấu không quá lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty và cũng không quá nhỏ không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng, thúc đẩy họ thanh toán sớm.

Theo tình hình kinh doanh hiện nay thì công ty có thể cho khách hàng được hưởng 0.3% chiết khấu nếu thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hóa đơn được phát hành và nếu khách hàng không lấy chiết khấu thì khách hàng được trả tiền hàng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Nếu khách hàng thanh toán trong thời hạn từ 10 ngày tới 20 ngày thì chiết khấu thanh toán là 0.25%.

- *Tài khoản sử dụng: TK 635 - Chi phí tài chính.*

- *Phương pháp hạch toán:*

Khi cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có các TK 131, 111, 112,..

Ví dụ:

Ngày 02/12/2011, xuất bán cho Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh 2000kg Hạt nhựa Hotmelt theo HĐ0000221 với đơn giá bán 22.500đồng/kg (giá chưa VAT 10%). Tổng giá thanh toán là 49.500.000đ. Thời hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Nhưng Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh thanh toán trước hạn 20 ngày. Trong trường hợp này, công ty nên cho Công ty cổ phần Nhựa bao bì Vinh được hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

Theo ví dụ này, công ty nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu 0.3% tức là:

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: $49.500.000 \times 0.3\% = 148.500 \text{ đ}$

Số tiền công ty thực thu : 49.351.500 đ

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 635 : 148.500

Có TK 112 : 148.500

Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu số 3.6:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 09

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	148.500
	Cộng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

❖ Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Khoản phải thu là số tiền khách hàng nợ doanh nghiệp do mua chịu hàng hóa hoặc dịch vụ. Có thể nói hầu hết các công ty đều phát sinh các khoản phải thu nhưng với mức độ khác nhau, từ mức không đáng kể cho đến mức không thể kiểm soát nổi. Kiểm soát khoản phải thu liên quan đến việc đánh đổi giữa lợi nhuận và rủi ro. Nếu không bán chịu hàng hóa thì sẽ mất đi cơ hội bán hàng, do đó, mất đi lợi nhuận. Nếu bán chịu hàng hóa quá nhiều thì chi phí cho khoản phải thu tăng có nguy cơ phát sinh các khoản nợ khó đòi, do đó, rủi ro không thu hồi được nợ cũng gia tăng. Vì vậy, doanh nghiệp cần có chính sách bán chịu phù hợp và nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi thông qua tài khoản 139- Dự phòng phải thu khó đòi được mở chi tiết cho từng đối tượng khách hàng của công ty để dự phòng những tổn thất về khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ. Cuối mỗi niên độ, kế toán phải dự tính số nợ có khả năng khó đòi để lập dự phòng. Các khoản nợ phải thu khó đòi phải có tên, địa chỉ, nội dung từng khoản nợ, số tiền phải thu của từng người nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi. Đồng thời, công ty phải có chứng từ gốc hoặc xác nhận về số nợ chưa trả như hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ...

Bộ tài chính quy định sau 2 năm khi hết hạn thanh toán, nếu khách hàng chưa thanh toán thì được coi là khoản khó đòi, mức trích lập dự phòng như sau:

- +30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
- +50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- +70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- +100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án,...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Vào cuối niên độ kế toán sau khi xác định được khoản phải thu khó đòi, hoặc không có khả năng đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 6426

Có TK 139

Vào kỳ kế toán sau, khoản dự phòng phải trích lập kỳ này nhỏ hơn kỳ trước kế toán phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 139

Có TK 6426

Phần chênh lệch

Nếu số trích lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập kỳ trước, kế toán phản ánh bút toán trích lập bổ sung:

Nợ TK 6426

Có TK 139

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi phải được dựa trên nguyên tắc thận trọng, doanh thu phải phù hợp với chi phí.

❖ Về việc lập các sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết theo tài khoản.

Công ty nên lập các sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết theo tài khoản để thuận tiện cho việc đối chiếu số liệu giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp như bảng tổng hợp chi tiết doanh thu, giá vốn, ...

Dưới đây em xin đưa ra mẫu bảng tổng hợp TK 511 như sau:

Biểu số 3.6: Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu

Đơn vị: Công ty CP Hóa chất Bình Minh

Địa chỉ: 87 Đinh Nhu Lê Chân Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Tháng 12/2011

STT	ĐỐI TƯỢNG	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Doanh thu bán hạt Hotmelt			142.312.500	142.312.500		
2	Doanh thu bán hạt Bicoat			989.750.000	989.750.000		
3	Doanh thu bán hạt BicalPP			2.625.850.000	2.625.850.000		
4	Doanh thu bán hạt BicalPE			236.250.000	236.250.000		
5	Doanh thu bán túi HDPE			355.205.954	355.205.954		
	Tổng cộng			4.349.368.454	4.349.368.454		

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng khá nhanh và ổn định chính thức bước vào cánh cửa hội nhập, tạo cơ hội to lớn để Công ty CP hóa chất Bình Minh nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung mở rộng quy mô kinh doanh cũng như phạm vi hoạt động kinh doanh. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp do đó ngày càng gay gắt hơn đòi hỏi Công ty phải nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Vì vậy công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả nói riêng tại Công ty CP hóa chất Bình Minh đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Qua quá trình thực tập tại Công ty CP hóa chất Bình Minh và với những kiến thức em đã học tại trường em đã chọn đề tài **“Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh”** cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Qua đây em cũng xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé về công tác kế toán cũng như công tác quản lý tại công ty. Tuy nhiên, do sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, thời gian nghiên cứu có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của công ty CP hóa chất Bình Minh để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ths. Phạm Văn Tường và các thầy cô trong khoa Kế toán – Kiểm toán trường ĐH Dân Lập Hải Phòng, các cô bác trong phòng kế toán của công ty CP hóa chất Bình Minh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Lâm Thị Ngọc Mai

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp – Bộ tài chính
+ Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.
+ Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.
- 2) Kế toán tài chính – Nhà xuất bản tài chính Hà Nội.
- 3) Khóa luận của các anh chị khóa trên Trường ĐHDL Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	9
1.1. Một vài nét về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.1.1. Doanh thu.	9
1.1.2. Chi phí.	12
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.	14
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	14
1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	14
1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	15
1.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	16
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	16
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	22
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	24
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.	29
1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	31
1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	34
1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	37
1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	40
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH	42
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.	42

2.1.1. Sự hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh. .	42
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.	44
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.	46
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.....	49
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	49
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	57
2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	57
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng.....	63
2.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	69
2.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	75
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	82
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT BÌNH MINH	90
3.1. Nhận xét chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.....	90
3.1.1. Ưu điểm.....	90
3.1.2. Tồn tại cần khắc phục.	92
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.....	94
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.....	94
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần hóa chất Bình Minh.....	95
KẾT LUẬN	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107